

Làm quen với những con số



1 Khoanh và đọc số con thích

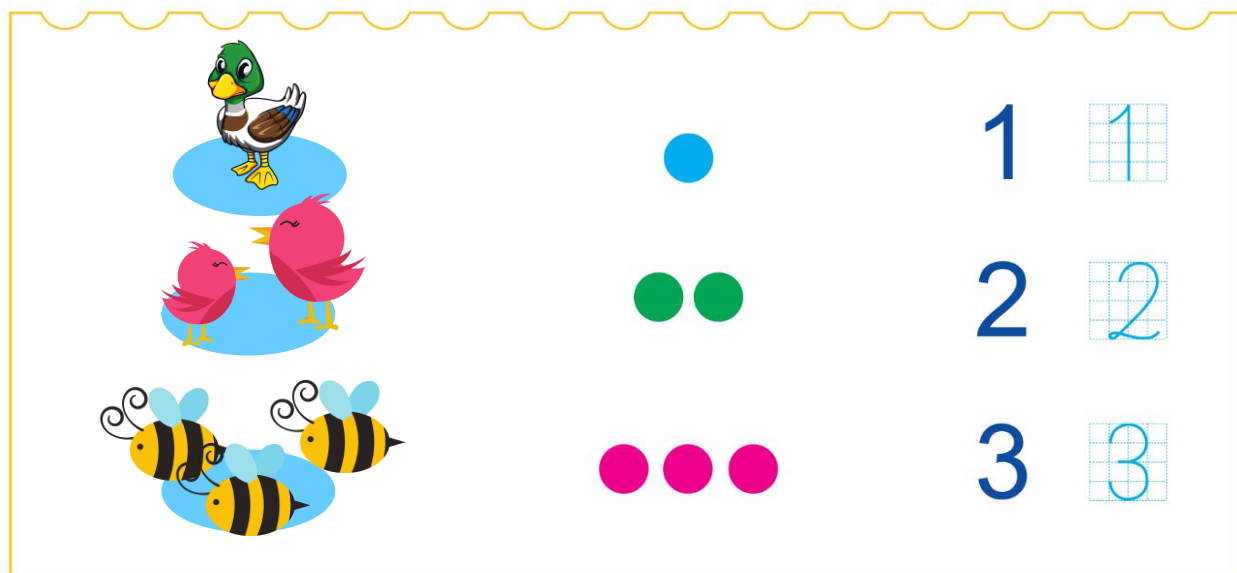


2 Tô màu



Bài 1

Các số 1, 2, 3

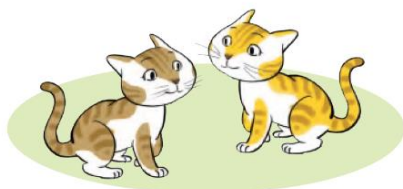


1
1
1

2
2
2

3
3
3

1 Số ?

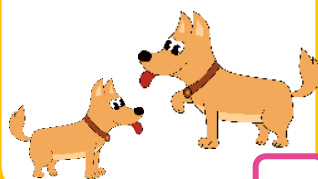
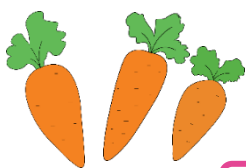






Bài 1

2 SỐ ?



3 SỐ ?



1



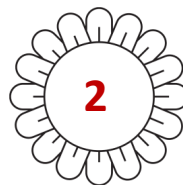
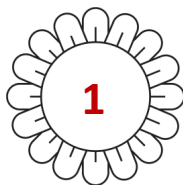
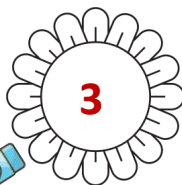
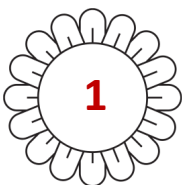
3



4 SỐ ?



5 Tô màu vào bông hoa ghi số 2

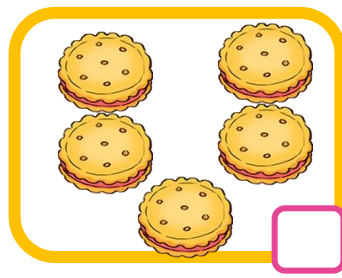
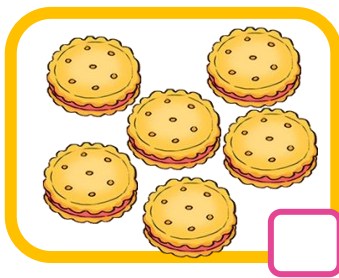
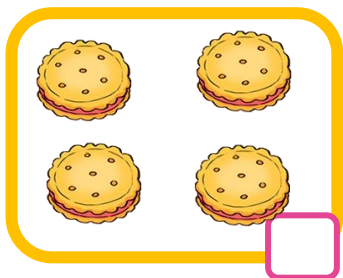


Các số 4, 5, 6

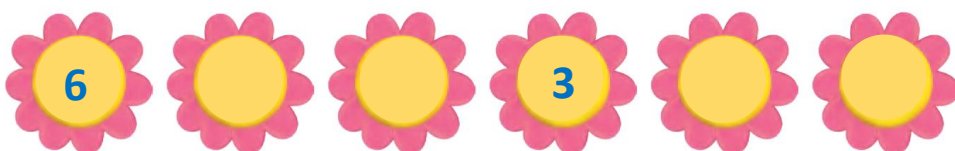


Bài 2

2 SỐ ?



3 SỐ ?



4 SỐ ?



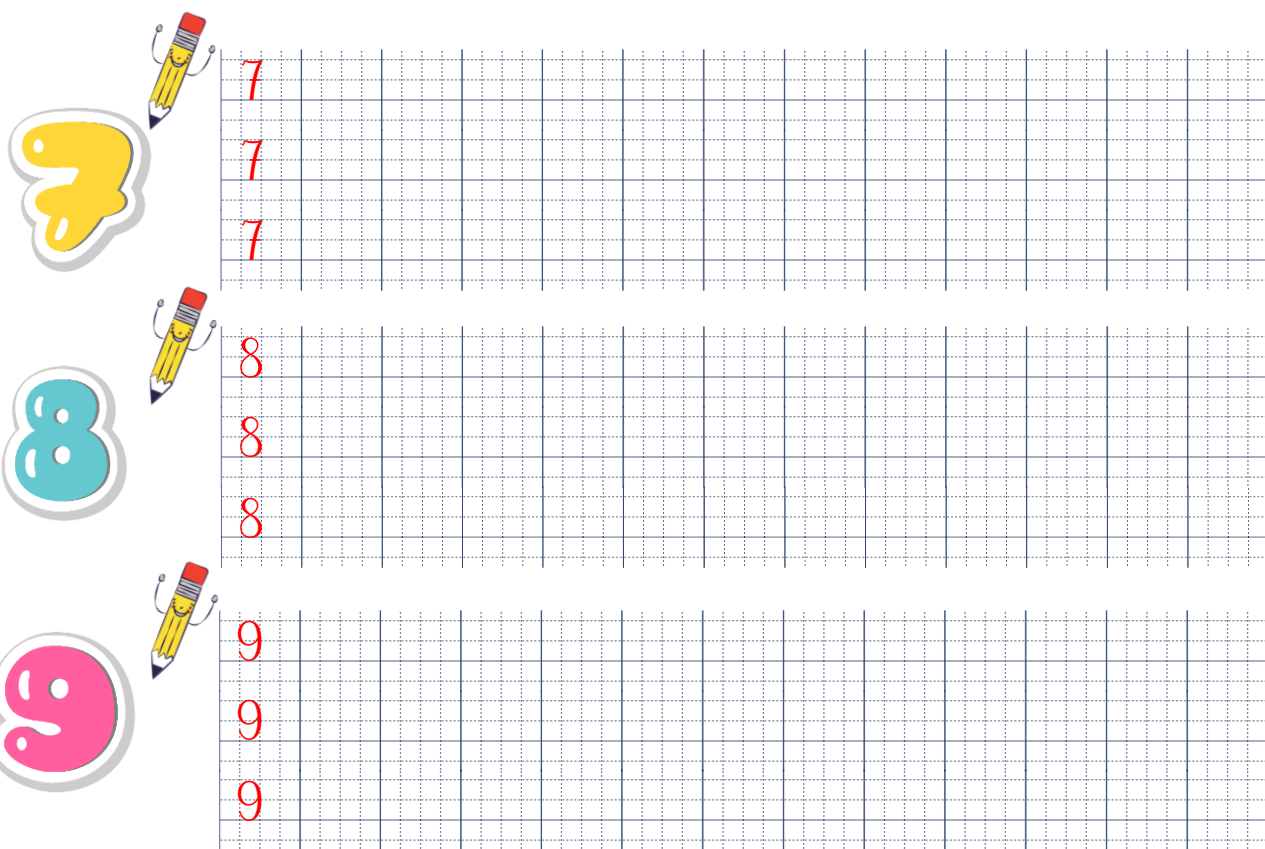








Các số 7, 8, 9

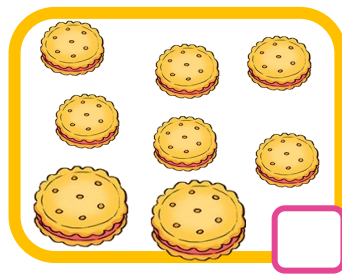
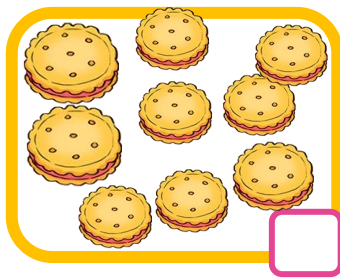
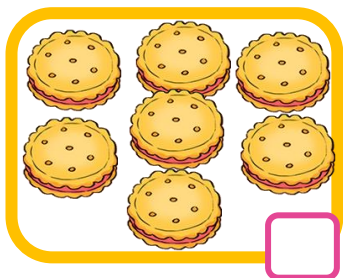


An illustration of 8 cupcakes arranged on a light blue plate. Each cupcake has a pink liner, a yellow frosting base, and a green sprinkled topping. A small red cherry is placed on top of each cupcake. The cupcakes are arranged in two rows of four.

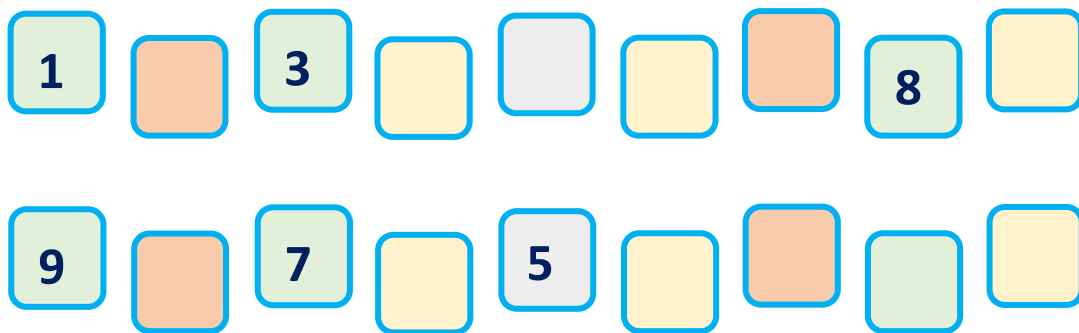


Bài 3

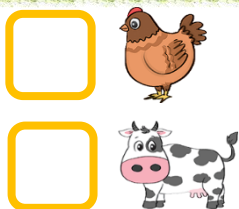
2 SỐ ?



3 SỐ ?



4 SỐ ?



Bài 4

Số 0, 10



3



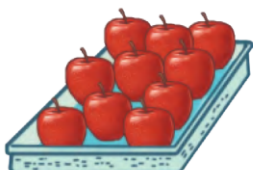
2



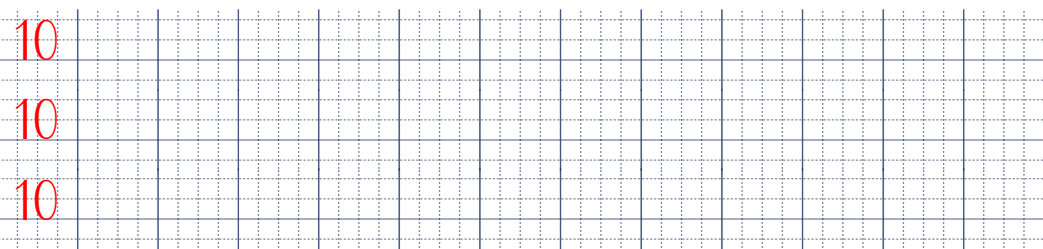
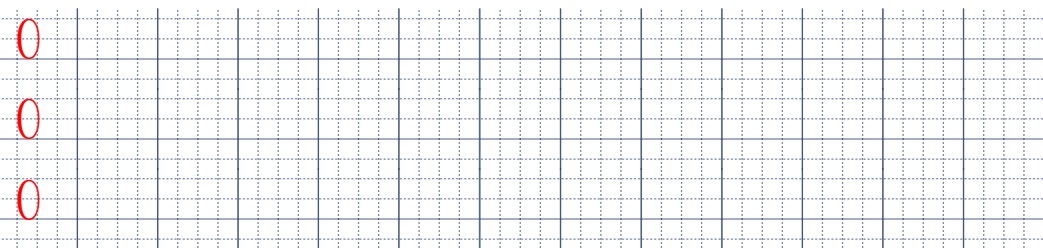
1



0



10



1 Số ?

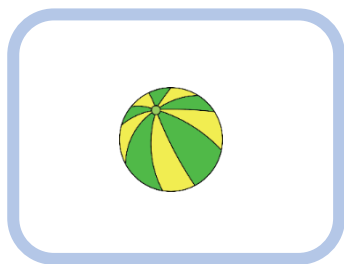






Bài 4

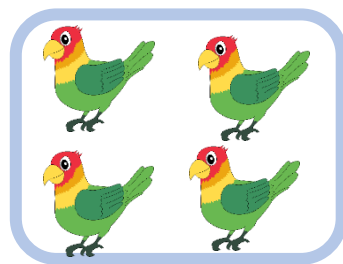
2 Khoanh vào số thích hợp



1 2 3

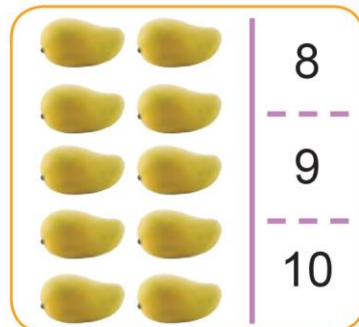
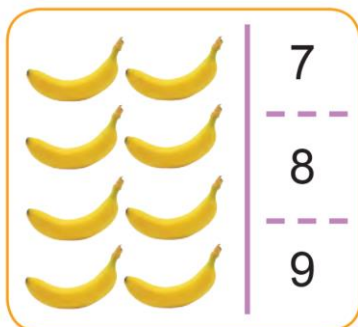
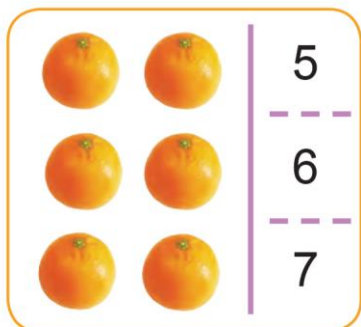


0 1 2



2 3 4

3 Khoanh vào số thích hợp

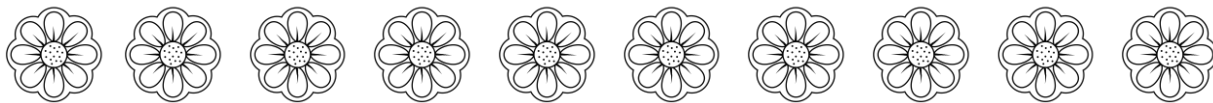


4 Tô màu

5



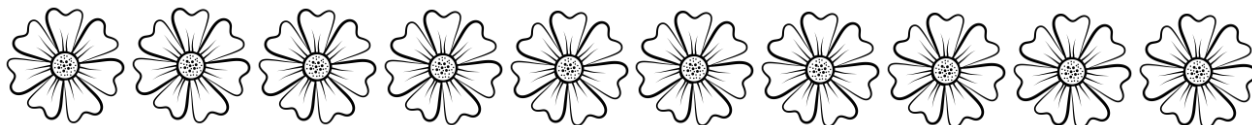
7



10



8



Bài 5

Luyện tập

1 SỐ ?

3, 4, 5



3 5

6 8

7 9

 2

 5

2 SỐ ?



3 Nối



6

7

8

9

10



Bài 5

4 SỐ ?









5 SỐ ?











6 Tô màu

10

9

8

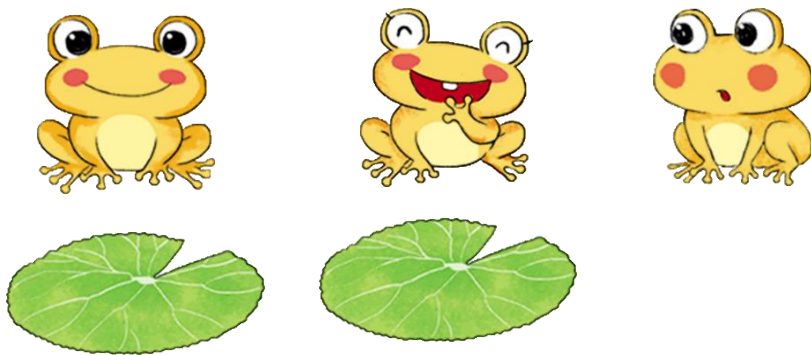
7

6



Bài 6

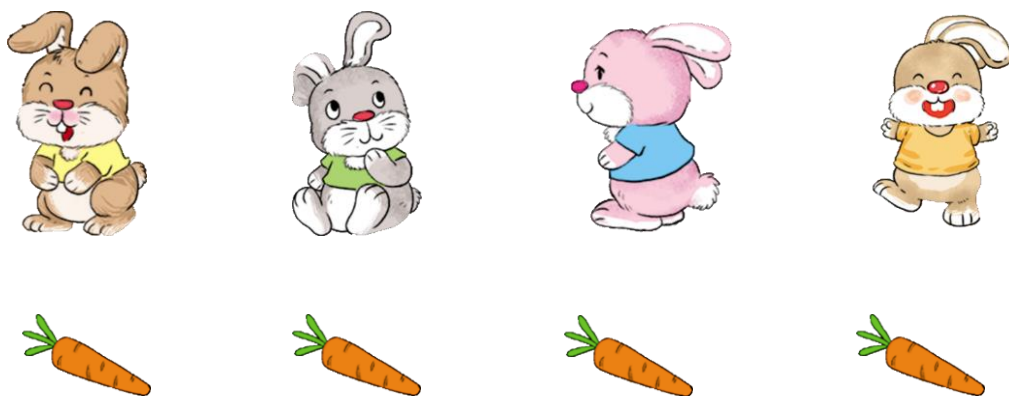
Nhiều hơn – ít hơn – bằng nhau



Số  nhiều hơn số



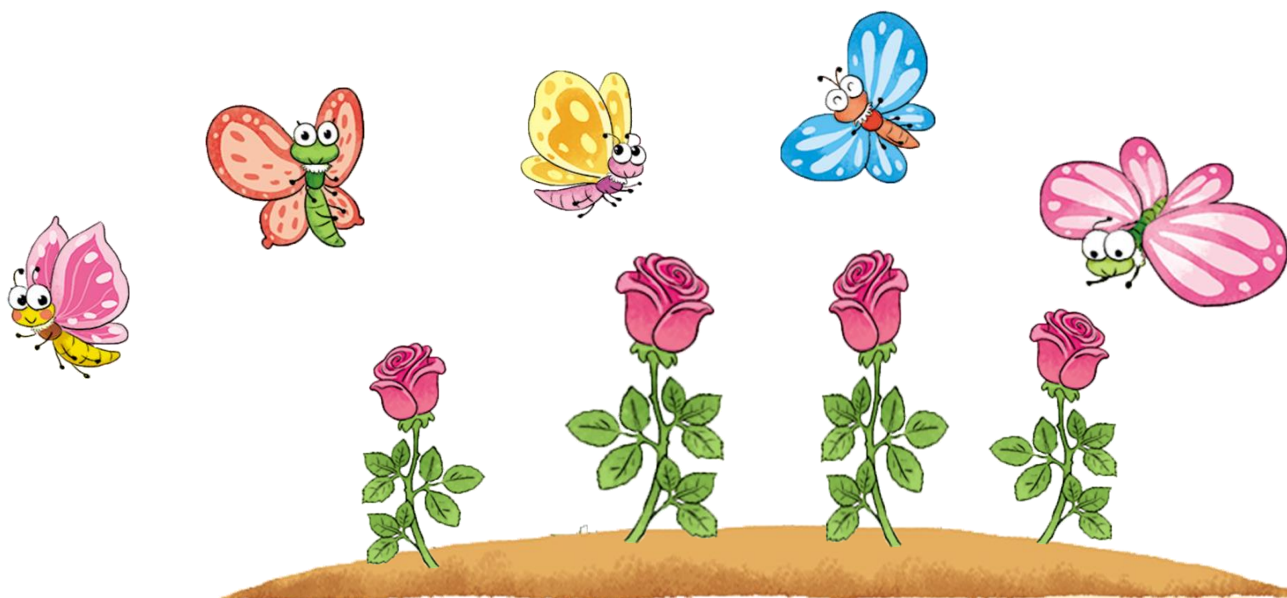
Số  ít hơn số



Số  bằng số

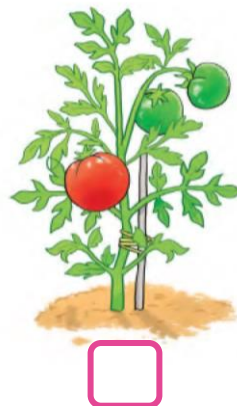
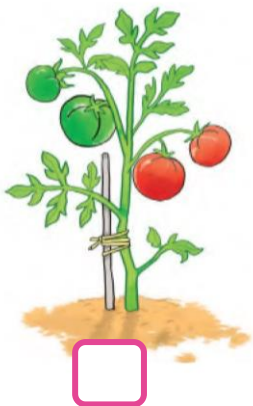


1 Số bướm nhiều hơn hay số hoa nhiều hơn ?

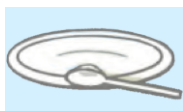


Bài 6

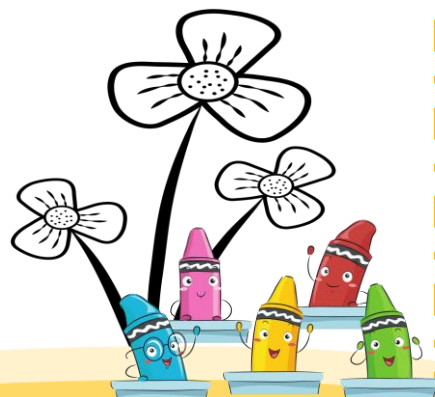
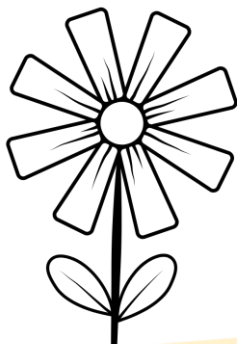
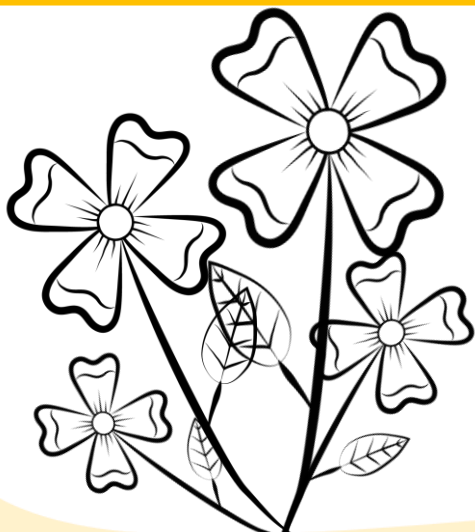
2 Đánh dấu **x** vào cây có nhiều quả hơn



3 Đánh dấu **x** vào đồ vật ít hơn



4 Tô màu **■** vào cây có ít hoa nhất, màu **■** vào cây có nhiều hoa nhất

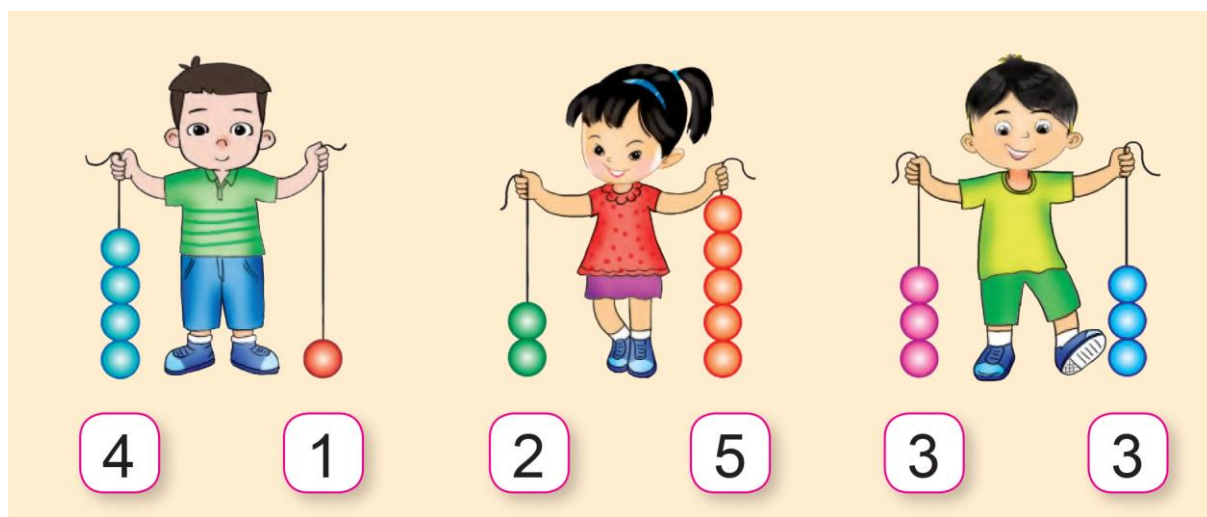


Bài 7

Lớn hơn, dấu >

Bé hơn, dấu <

Bằng nhau, dấu =



$$4 > 1$$

bốn **lớn hơn** một



dấu lớn hơn

$$2 < 5$$

hai **bé hơn** năm



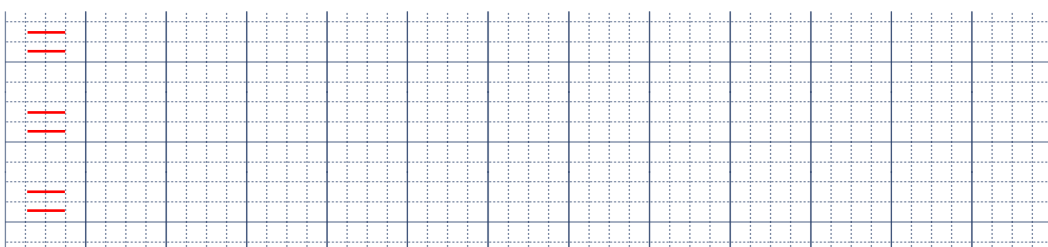
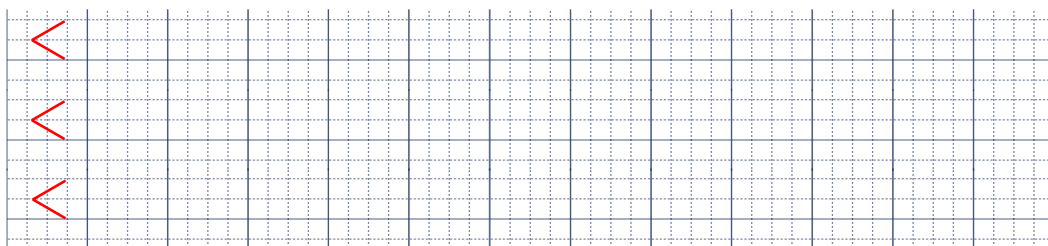
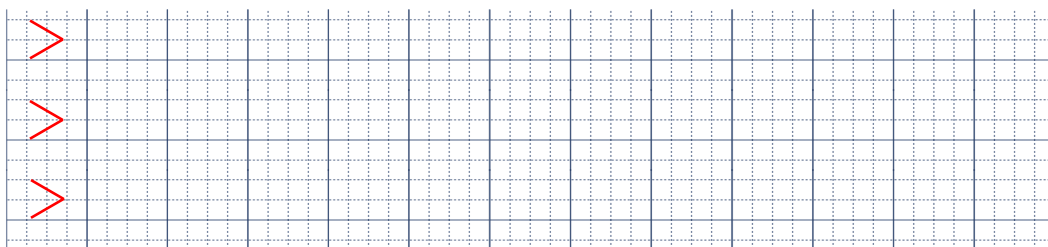
dấu bé hơn

$$3 = 3$$

ba **bằng** ba

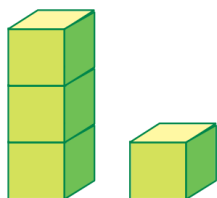


dấu bằng

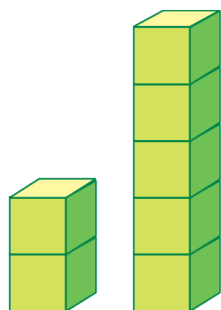


Bài 7

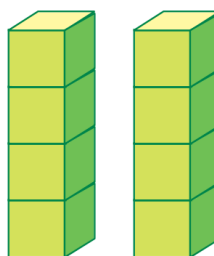
1 <, >, = ?



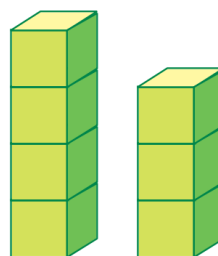
$3 > 1$



$2 \square 5$

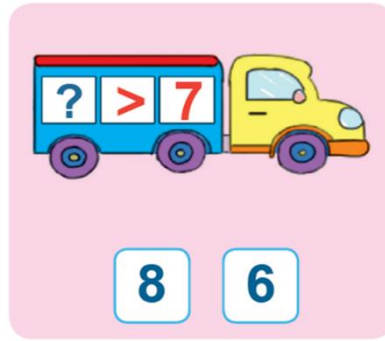
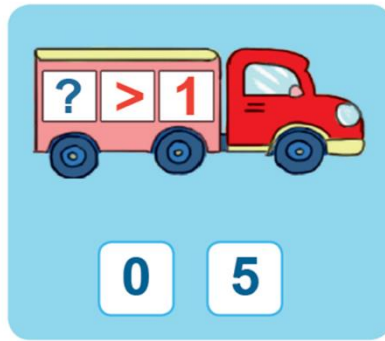
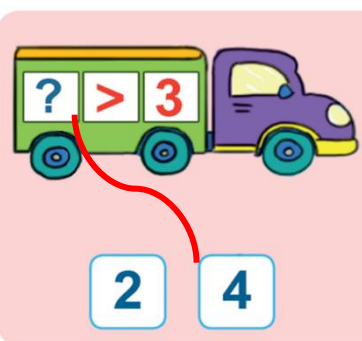


$4 \square 4$

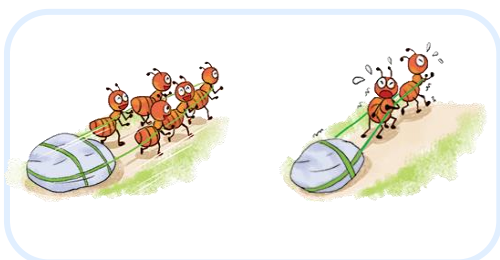


$4 \square 3$

2 Tìm số thích hợp (theo mẫu)



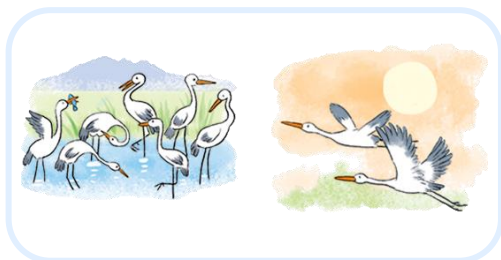
3 So sánh (theo mẫu)



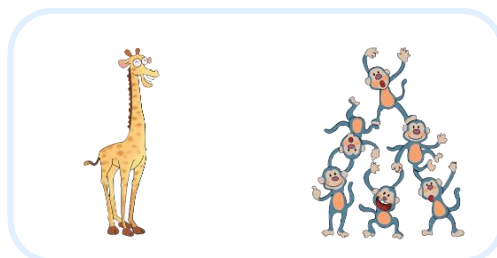
$5 > 2$



$\square \bigcirc \square$



$\square \bigcirc \square$

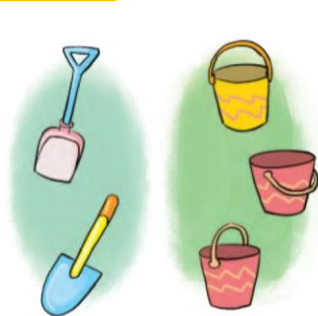


$\square \bigcirc \square$

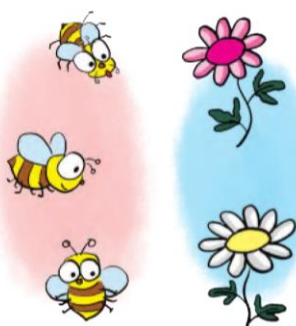
Bài 8

Luyện tập

1 <, >, = ?



2 3



3 2



2 2

2 <, >, = ?

4 7

10 2

0 7

6 10

6 3

9 9

1 8

8 8

3

Hãy giúp Mai tìm đường về nhà của mình bằng cách tô màu vào các ô có số lớn hơn 4.



0	3	1	4	2	4
4	2	3	3	2	6
4	3	1	4	8	7
3	2	4	9	10	2
6	7	5	8	0	0
5	2	3	2	1	4



Bài 9

Luyện tập

1 Khoanh vào chú ếch ghi số lớn hơn



2 Khoanh vào chú thỏ ghi số lớn nhất



3 Sắp xếp các số sau theo thứ tự:



a, Từ lớn đến bé :

.....

b, Từ bé đến lớn :

.....

4 <, >, = ?

7 7

8 2

4 5

6 5

6 9

2 8

1 10

3 3

Bài 10

Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật



Hình vuông



Hình tròn

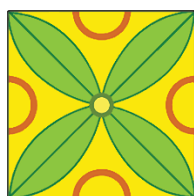


Hình tam giác



Hình chữ nhật

1 Nối



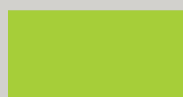
Hình vuông



Hình tròn



Hình chữ nhật

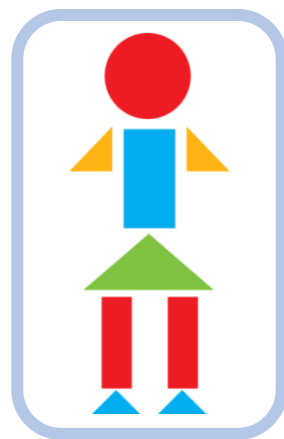
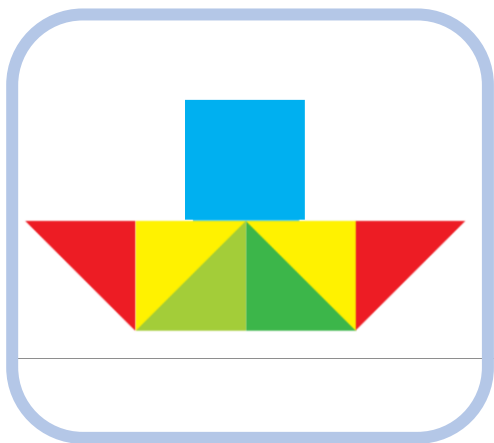


Hình tam giác



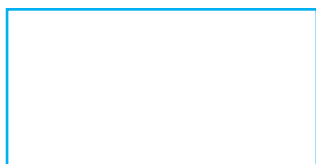
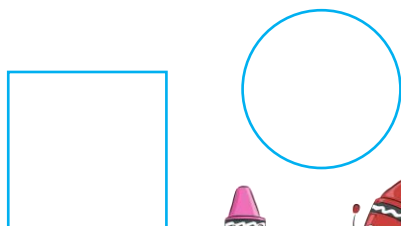
Bài 10

2 Có bao nhiêu hình?



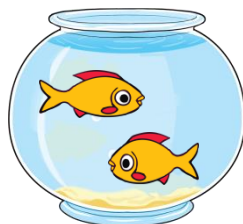
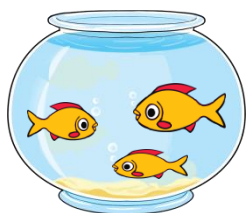
3

Tô màu xanh vào hình tam giác, màu đỏ vào hình tròn, màu vàng vào hình vuông, màu tím vào hình chữ nhật



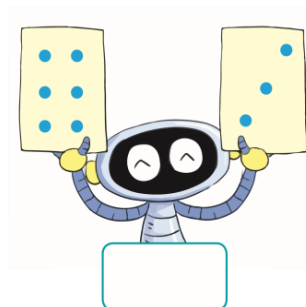
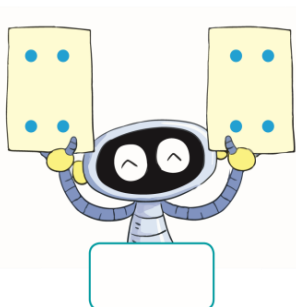
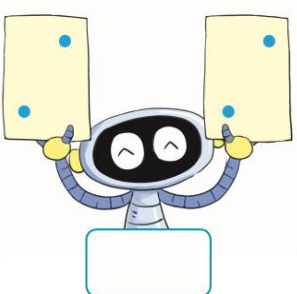
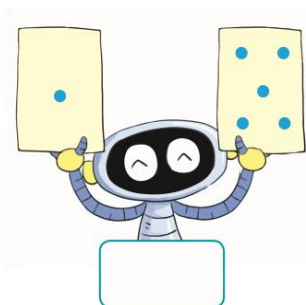
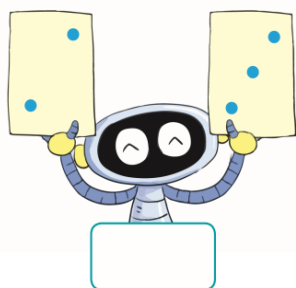
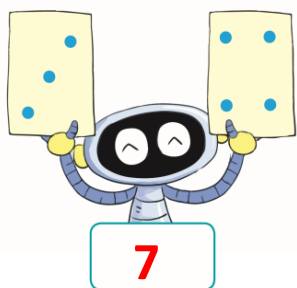
Bài 11

Mấy và mấy



3 và 2 được

1 SỐ ?

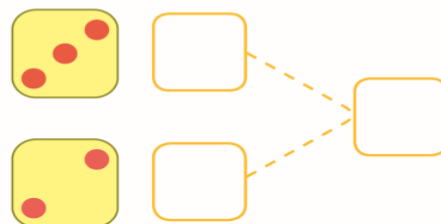
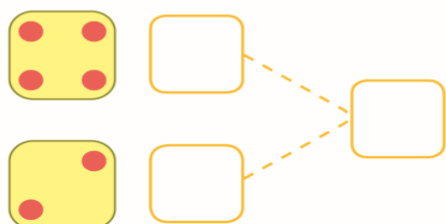
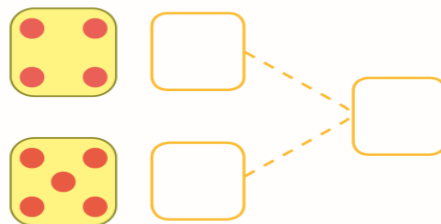
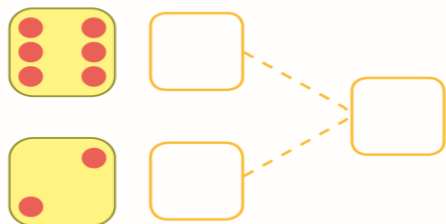
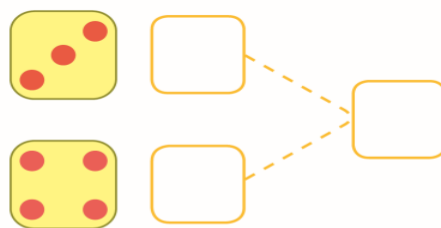
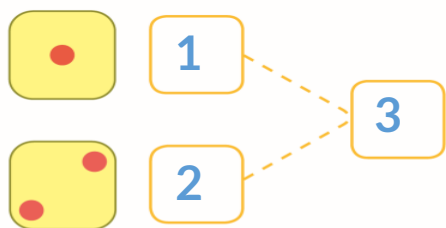


2 Nối ?



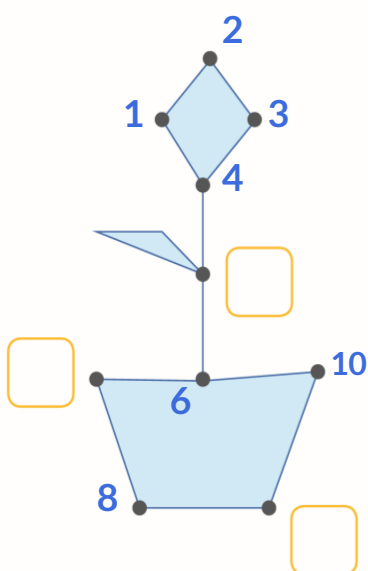
Bài 11

3 Số ?

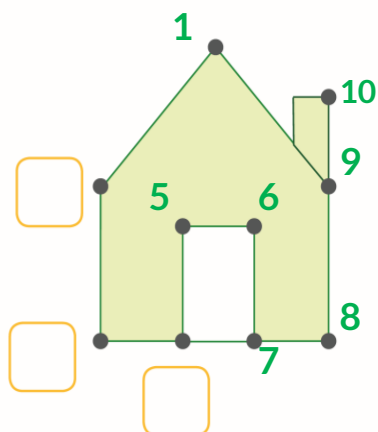


4 Số ?

a)



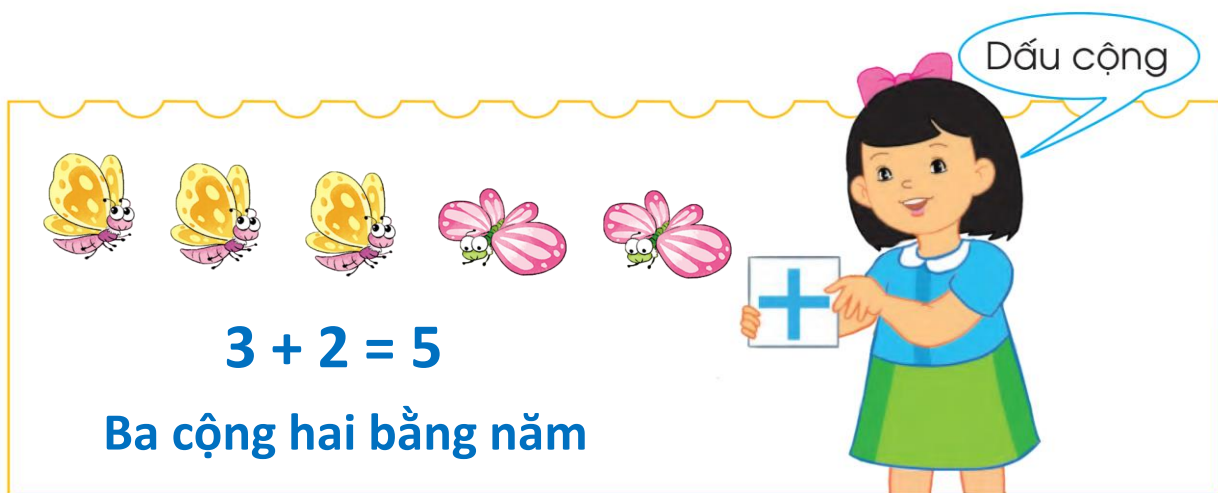
b)



Bài 12

Làm quen với phép cộng, dấu cộng

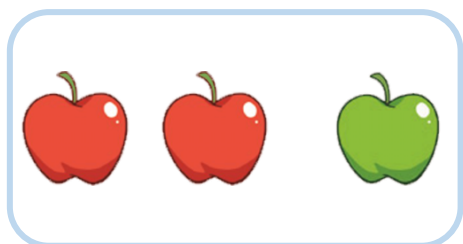
Dấu cộng



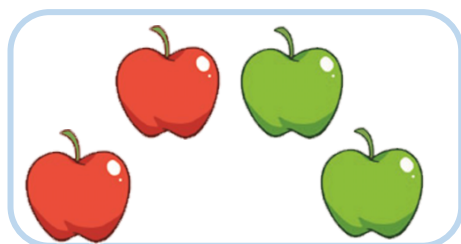
$3 + 2 = 5$

Ba cộng hai bằng năm

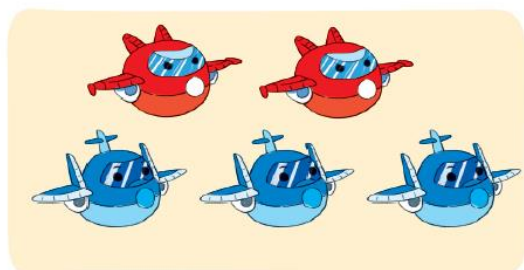
1 Số ?



$$2 + 1 = \dots$$



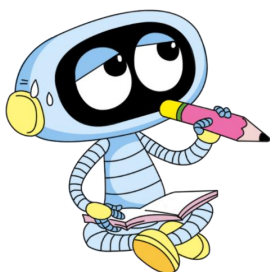
$$2 + 2 = \dots$$



$$2 + 3 = \dots$$



$$3 + 1 = \dots$$

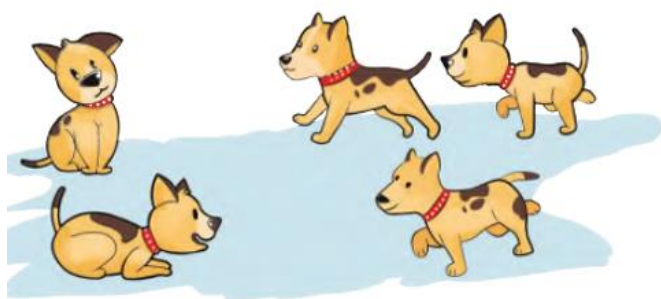


Bài 12

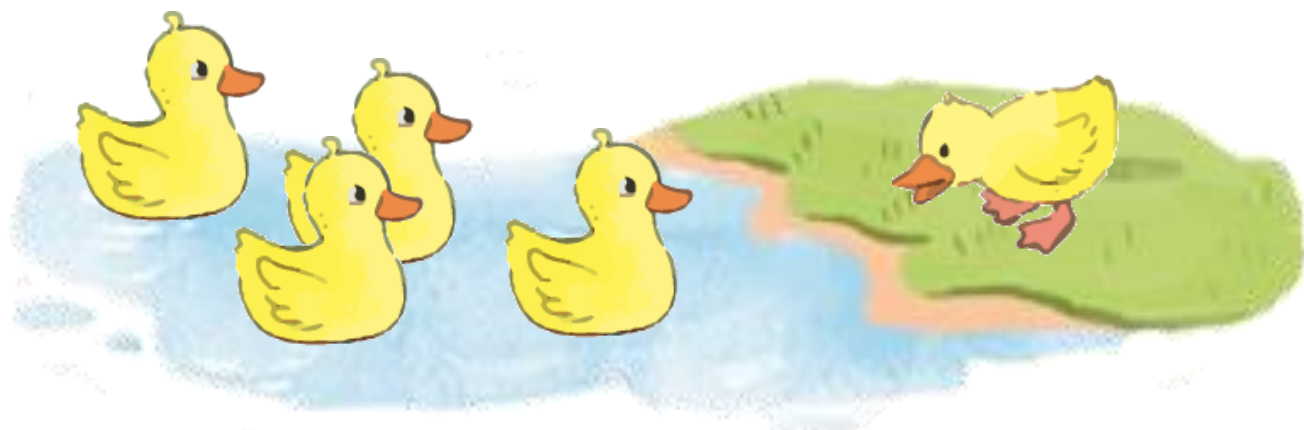
2 Viết phép tính thích hợp



$$\square + \square = \square$$

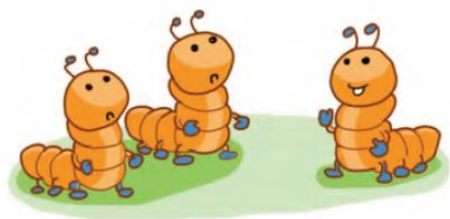


$$\square + \square = \square$$



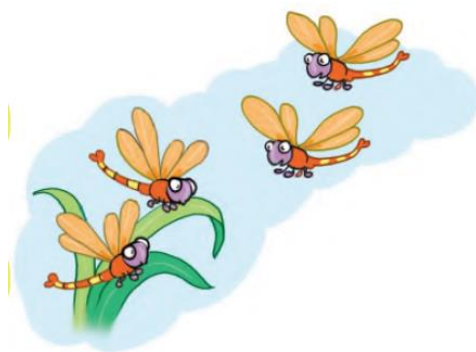
$$\square + \square = \square$$

3 Nối phép tính với hình thích hợp ?



$$2 + 2$$

$$2 + 1$$



4 Tính ?

$$1 + 1 = \dots$$

$$2 + 1 = \dots$$

$$1 + 2 = \dots$$

$$2 + 3 = \dots$$

$$1 + 3 = \dots$$

$$3 + 1 = \dots$$

Bài 13

Phép cộng trong phạm vi 6

1 Số ?



$$2 + 1 = \square$$



$$3 + 2 = \square$$



$$1 + 3 = \square$$



$$5 + 1 = \square$$

2 Số ?



$$\boxed{4} + \square = \square$$



$$\boxed{3} + \square = \square$$

3 Tính

$$1 + 1 = \dots$$

$$2 + 2 = \dots$$

$$4 + 1 = \dots$$

$$1 + 2 = \dots$$

$$2 + 4 = \dots$$

$$2 + 3 = \dots$$

$$1 + 5 = \dots$$

$$3 + 3 = \dots$$

$$1 + 4 = \dots$$

Bài 13

4 Viết phép tính thích hợp



$$\square + \square = \square$$

$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

5 Số?

$$1 + \dots = 2$$

$$2 + \dots = 4$$

$$4 + \dots = 5$$

$$\dots + 2 = 5$$

$$2 + \dots = 6$$

$$4 + \dots = 6$$

$$3 + \dots = 5$$

$$\dots + 3 = 6$$

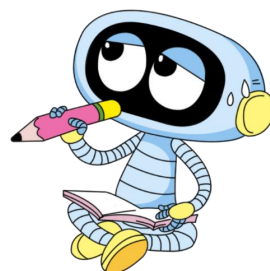
$$\dots + 4 = 6$$

Bài 14

Phép cộng trong phạm vi 6 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu

$1 + 1$	$2 + 1$	$3 + 1$	$4 + 1$	$5 + 1$
$1 + 2$	$2 + 2$			
$1 + 4$				
$1 + 5$				



2 Tính

$4 + 1 = \dots$

$5 + 1 = \dots$

$2 + 1 = \dots$

$1 + 2 = \dots$

$3 + 2 = \dots$

$2 + 2 = \dots$

$3 + 1 = \dots$

$1 + 3 = \dots$

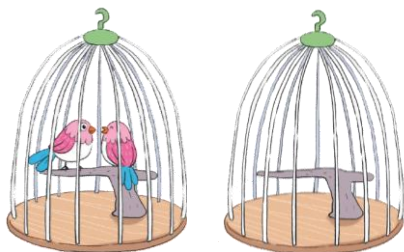
$2 + 3 = \dots$

$3 + 3 = \dots$

$4 + 2 = \dots$

$2 + 4 = \dots$

3 Tính (theo mẫu)



$2 + 0 = 2$

$2 + 0 = \dots$

$4 + 0 = \dots$

$5 + 0 = \dots$

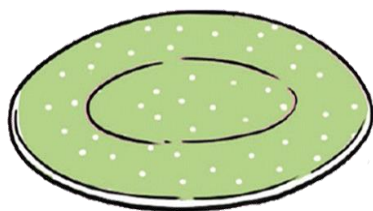
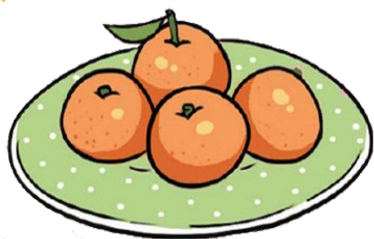
$6 + 0 = \dots$

$0 + 2 = \dots$

$0 + 3 = \dots$

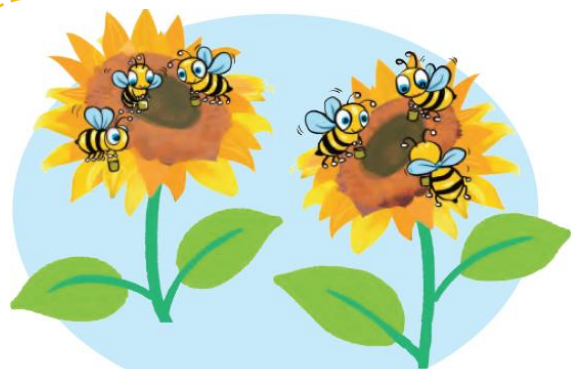
Bài 14

4 Viết phép tính thích hợp



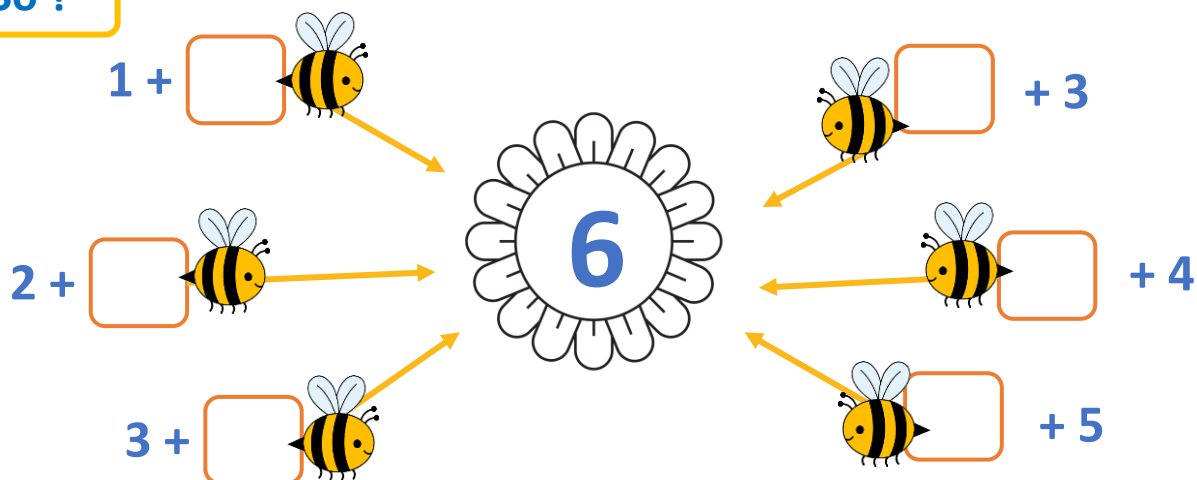
$$\square + \square = \square$$

$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

5 Số ?



Bài 15

Luyện tập

1 Tính

$2 + 1 = \dots$

$1 + 4 = \dots$

$1 + 5 = \dots$

$4 + 2 = \dots$

$1 + 1 = \dots$

$2 + 2 = \dots$

$3 + 3 = \dots$

$2 + 3 = \dots$

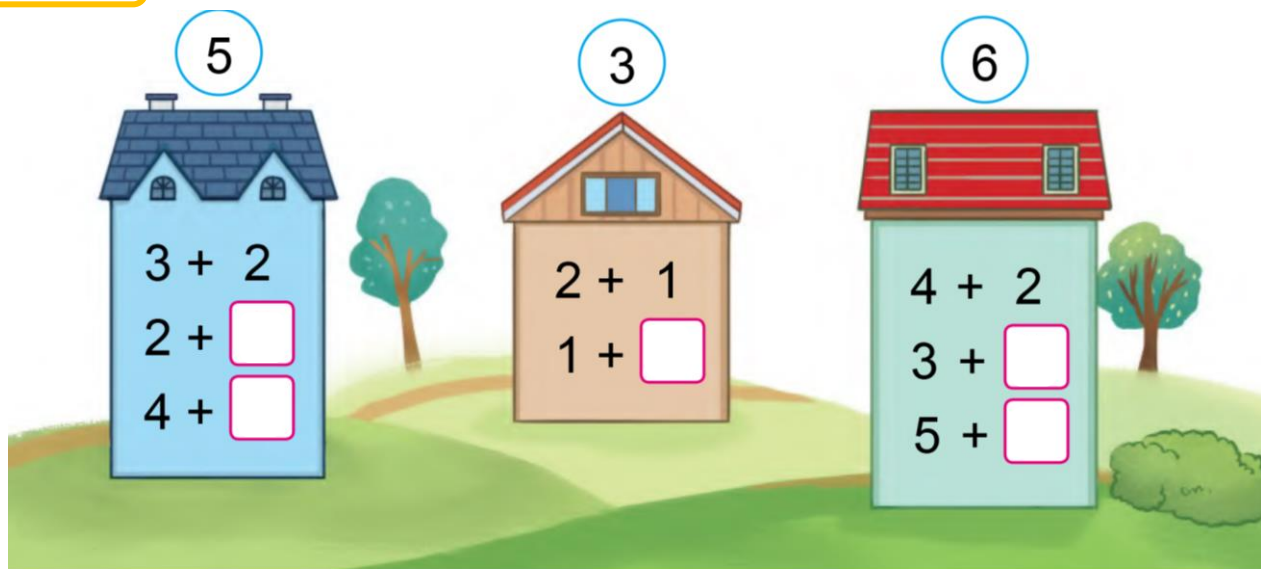
$1 + 0 = \dots$

$0 + 3 = \dots$

$4 + 0 = \dots$

$0 + 6 = \dots$

2 Số ?



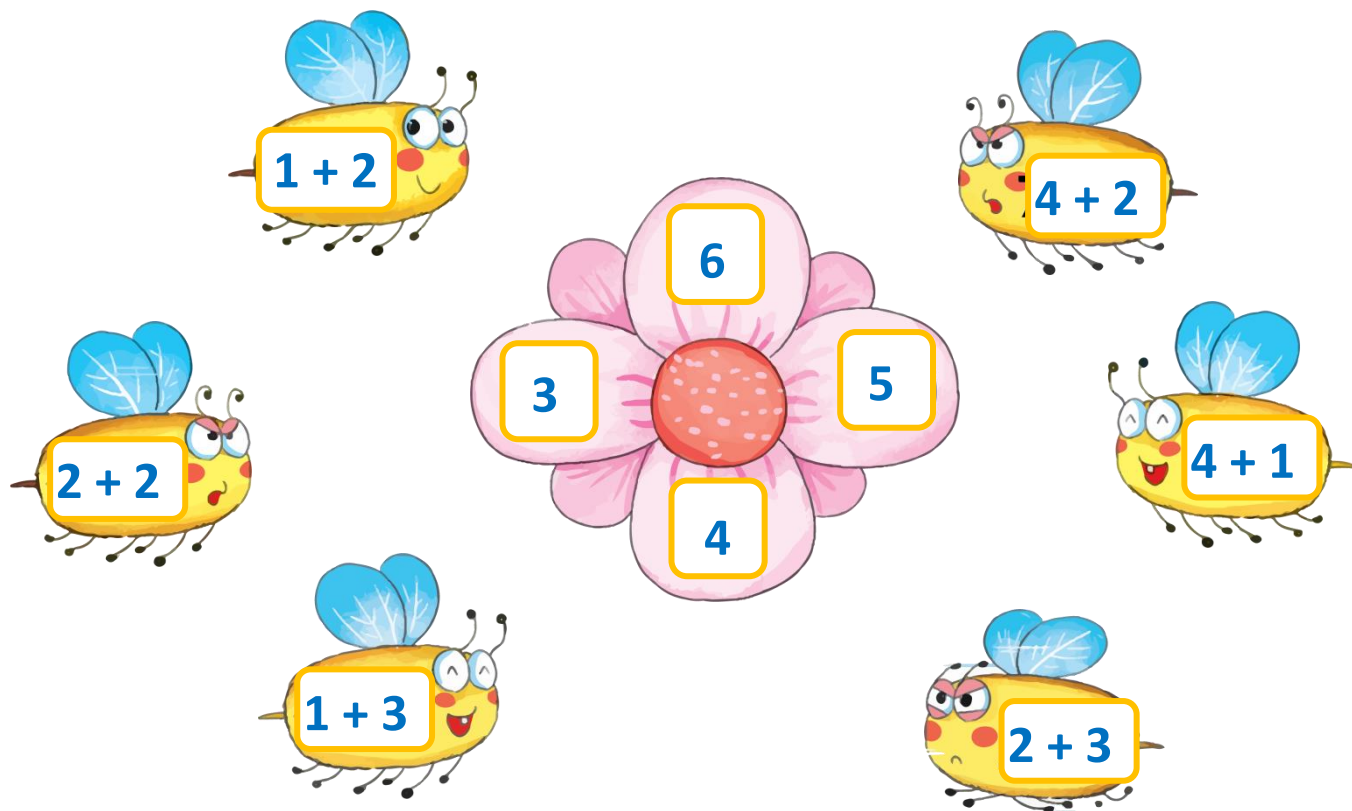
3 Viết phép tính thích hợp



$\square + \square = \square$

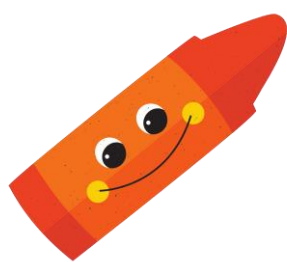
Bài 15

4 Tìm cánh hoa cho mỗi chú ong



5 Tô màu ?

- 1 =
- 2 =
- 3 =
- 4 =
- 5 =



Bài 16

Phép cộng trong phạm vi 10

1 Số ?



$$5 + 2 = \square$$



$$6 + 1 = \square$$

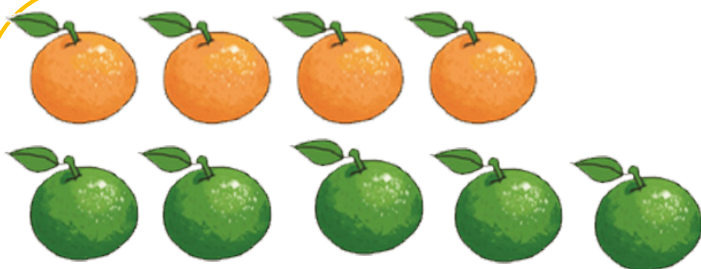


$$7 + 2 = \square$$



$$7 + 3 = \square$$

2 Số ?



$$4 + 5 = \square$$

$$5 + 4 = \square$$

4

5



3 Tính

$$7 + 1 = \dots$$

$$8 + 2 = \dots$$

$$3 + 5 = \dots$$

$$4 + 3 = \dots$$

$$9 + 1 = \dots$$

$$5 + 5 = \dots$$

$$3 + 6 = \dots$$

$$3 + 4 = \dots$$

$$2 + 8 = \dots$$

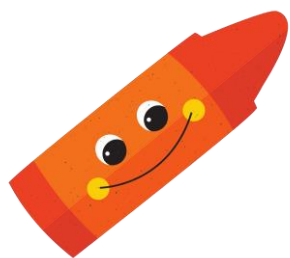
$$5 + 3 = \dots$$

$$4 + 6 = \dots$$

$$1 + 6 = \dots$$

Bài 16

4 Tô màu ?



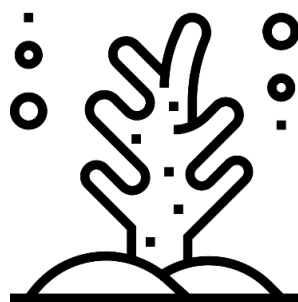
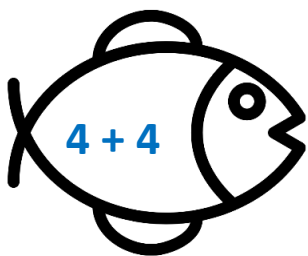
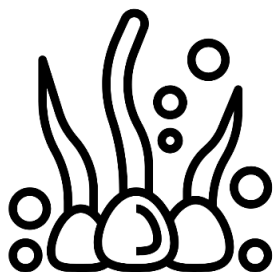
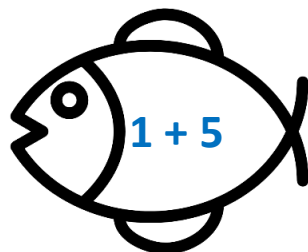
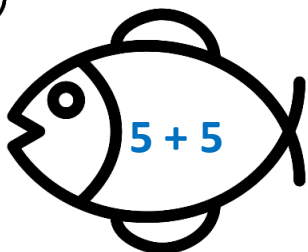
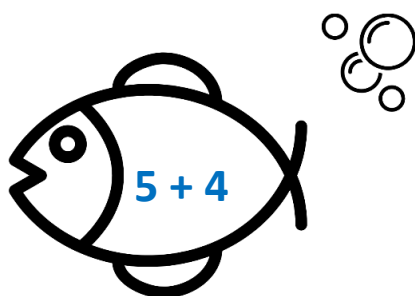
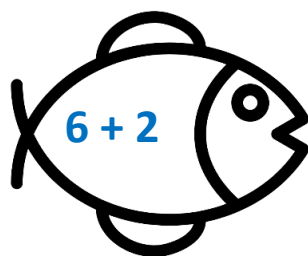
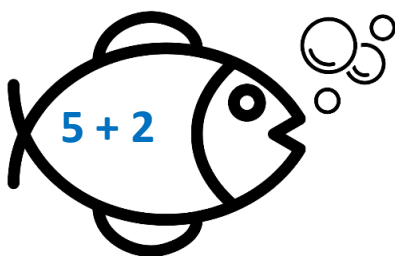
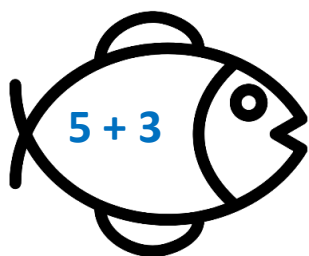
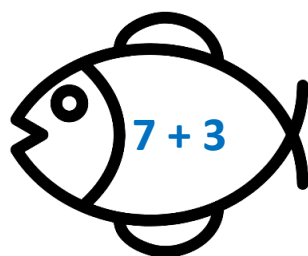
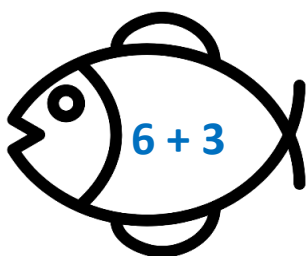
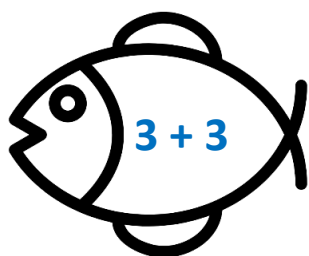
$6 =$ 

$8 =$ 

$7 =$ 

$9 =$ 

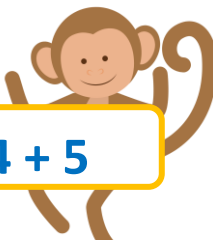
$10 =$ 

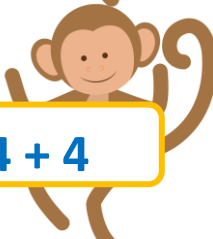


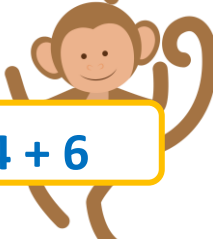
Bài 17

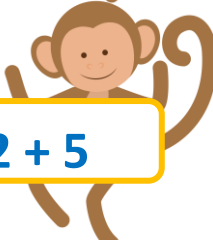
Luyện tập

1 Nối

 $4 + 5$

 $4 + 4$

 $4 + 6$

 $2 + 5$

78910

2 Tính

$7 + 1 = \dots$

$1 + 7 = \dots$

$3 + 6 = \dots$

$6 + 3 = \dots$

$9 + 1 = \dots$

$1 + 9 = \dots$

$9 + 0 = \dots$

$0 + 9 = \dots$

$0 + 8 = \dots$

$0 + 8 = \dots$

$10 + 0 = \dots$

$0 + 10 = \dots$

Bài 17

3 Viết phép tính thích hợp



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

4 Tô màu vào quả bóng ghi phép tính có kết quả lớn nhất

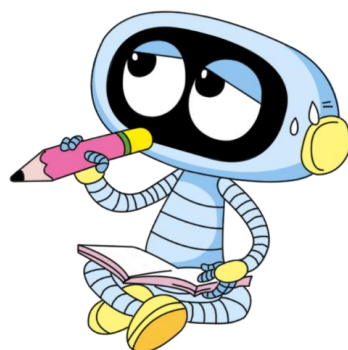


Bài 18

Phép cộng trong phạm vi 10 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu

$1 + 1$	$2 + 1$	$3 + 1$	$4 + 1$	$5 + 1$	$6 + 1$	$7 + 1$	$8 + 1$	$9 + 1$
$1 + 2$		$3 + 2$	$4 + 2$		$6 + 2$			
$1 + 3$	$2 + 3$	$3 + 3$		$5 + 3$		$7 + 3$		
		$3 + 4$	$4 + 4$		$6 + 4$			
$1 + 5$	$2 + 5$		$4 + 5$	$5 + 5$				
	$2 + 6$	$3 + 6$	$4 + 6$					
$1 + 7$		$3 + 7$						
$1 + 8$	$2 + 8$							
$1 + 9$								



2 Tính

$$7 + \dots = 7$$

$$\dots + 7 = 8$$

$$3 + \dots = 9$$

$$\dots + 3 = 10$$

$$\dots + 1 = 7$$

$$6 + \dots = 8$$

$$9 + \dots = 9$$

$$\dots + 9 = 10$$

$$0 + \dots = 7$$

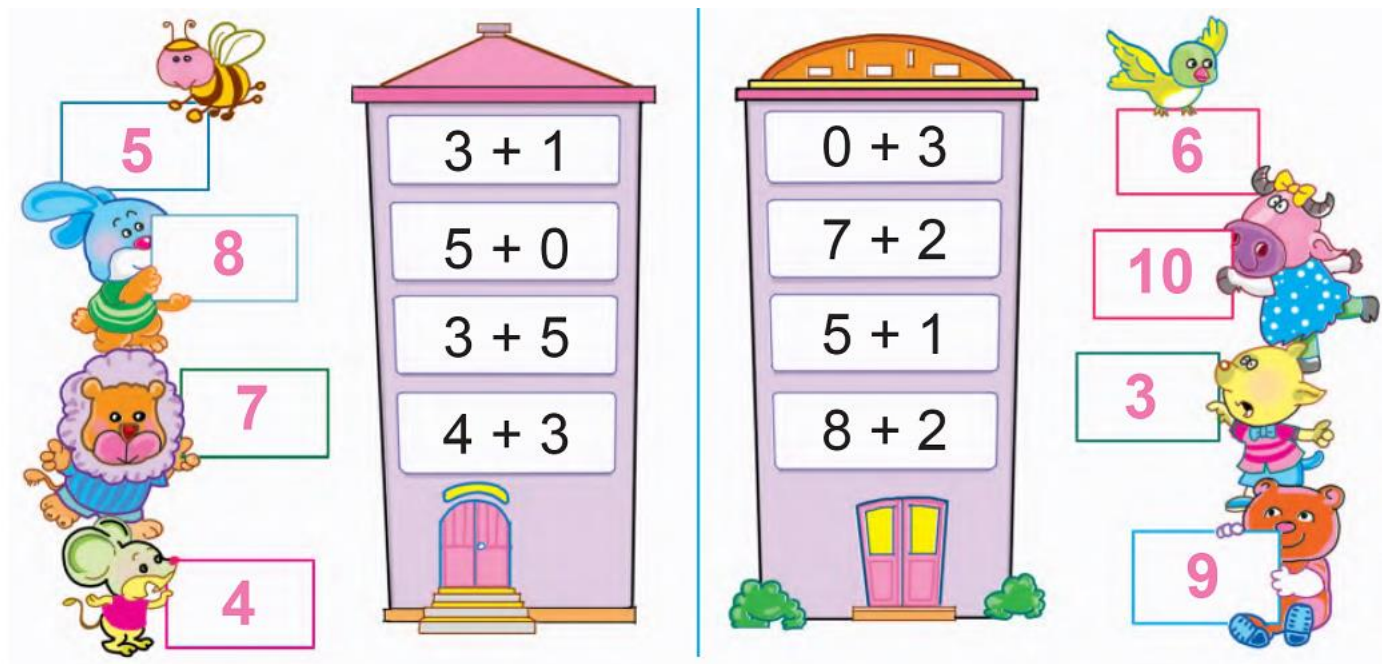
$$\dots + 8 = 8$$

$$7 + \dots = 9$$

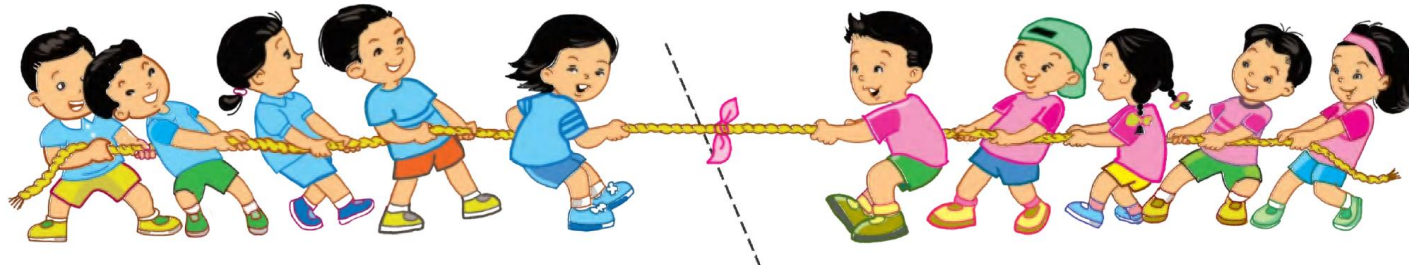
$$\dots + 8 = 10$$

Bài 18

3 Nối



4 Viết phép tính thích hợp



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

Bài 19

Luyện tập

1 Tính

$7 + 1 = \dots$

$5 + 4 = \dots$

$8 + 2 = \dots$

$9 + 1 = \dots$

$4 + 4 = \dots$

$5 + 3 = \dots$

$6 + 3 = \dots$

$2 + 8 = \dots$

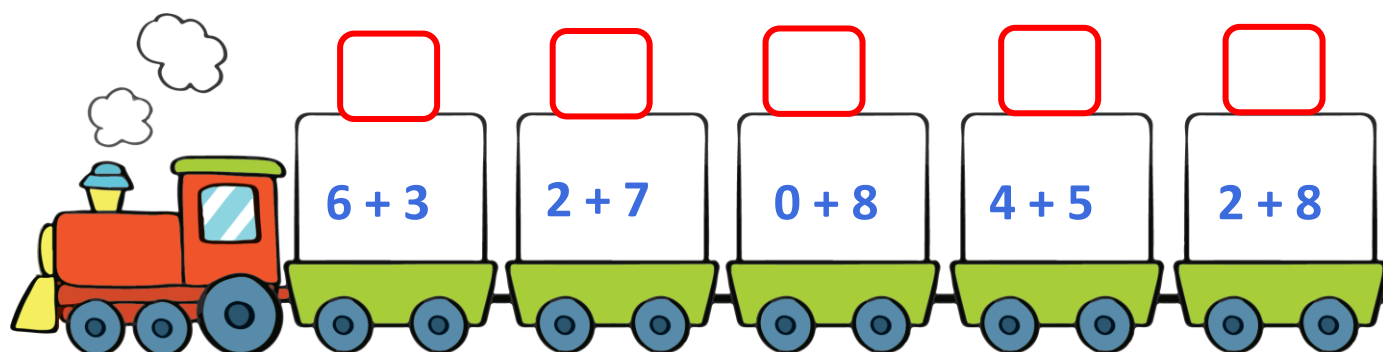
$9 + 0 = \dots$

$0 + 8 = \dots$

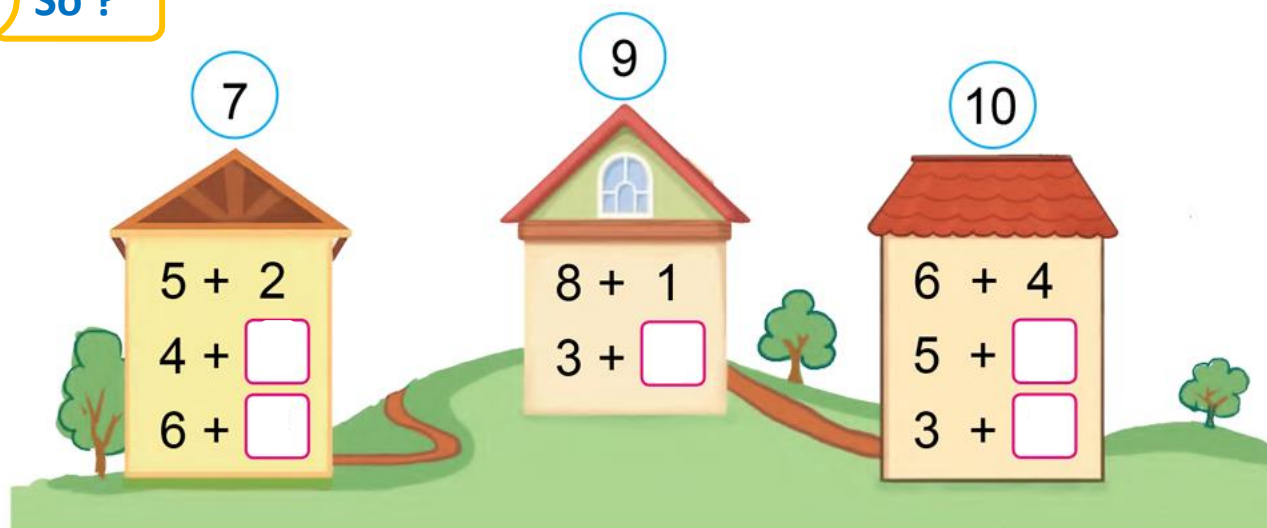
$10 + 0 = \dots$

$0 + 7 = \dots$

2 Tìm kết quả ghi ở mỗi toa tàu



3 Số ?



Bài 19

4 <, >, = ?

$7 + 1 \dots 9$

$5 + 4 \dots 10$

$8 + 2 \dots 7$

$9 + 1 \dots 10$

$2 + 4 \dots 6$

$4 + 3 \dots 6$

$6 + 3 \dots 8$

$2 + 8 \dots 9$

$9 + 0 \dots 10$

$0 + 8 \dots 8$

$10 + 0 \dots 10$

$0 + 7 \dots 6$

5 Tô màu ?



6 =



7 =



8 =



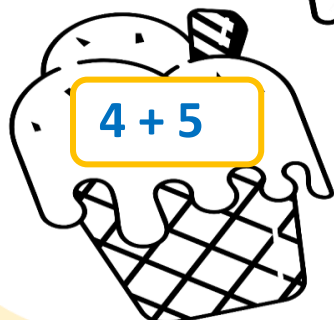
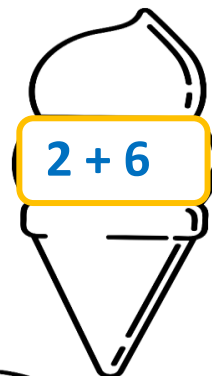
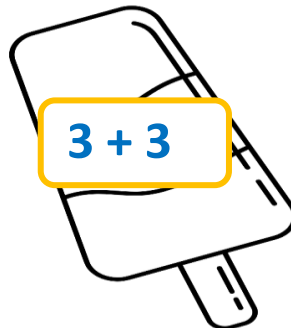
9 =



10 =

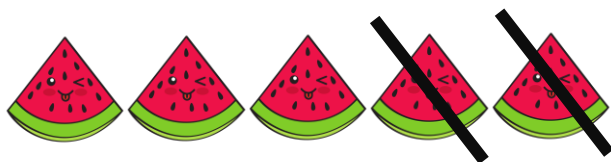


$3 + 7$



Bài 20

Làm quen với phép trừ, dấu trừ



$$5 - 2 = 3$$

Năm trừ hai bằng ba

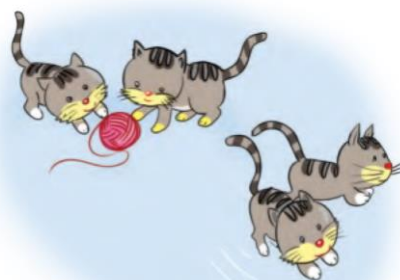
Dấu trừ



1 Số ?

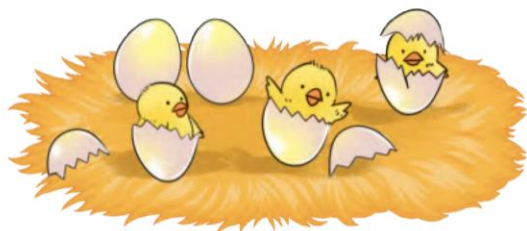


$$3 - 1 = \square$$



$$4 - 2 = \square$$

2 Nối



$$5 - 1$$

$$5 - 3$$

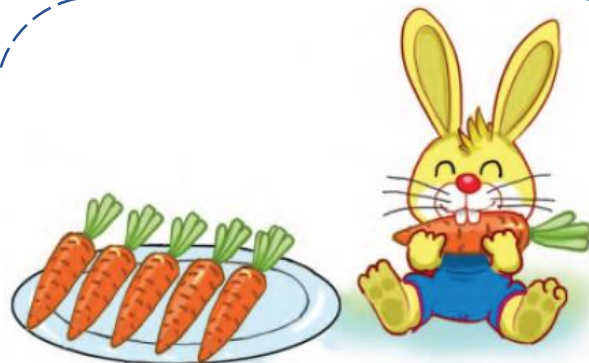


Bài 20

3 Viết phép tính thích hợp



$$4 - \square = \square$$



$$6 - \square = \square$$



$$7 - \square = \square$$



$$6 - \square = \square$$

Bài 21

Phép trừ trong phạm vi 6

1 Số ?



$$4 - 3 = \square$$



$$6 - 1 = \square$$



$$6 - 3 = \square$$



$$5 - 4 = \square$$

2 Tính

$$2 - 1 = \dots$$

$$3 - 1 = \dots$$

$$4 - 1 = \dots$$

$$5 - 1 = \dots$$

$$3 - 2 = \dots$$

$$5 - 3 = \dots$$

$$6 - 3 = \dots$$

$$4 - 3 = \dots$$

$$6 - 2 = \dots$$

$$5 - 4 = \dots$$

$$4 - 2 = \dots$$

$$6 - 4 = \dots$$

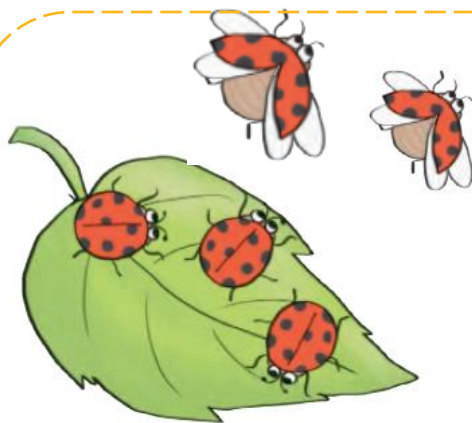
3 Viết phép tính thích hợp



$$\square - \square = \square$$

Bài 21

4 Viết phép tính thích hợp

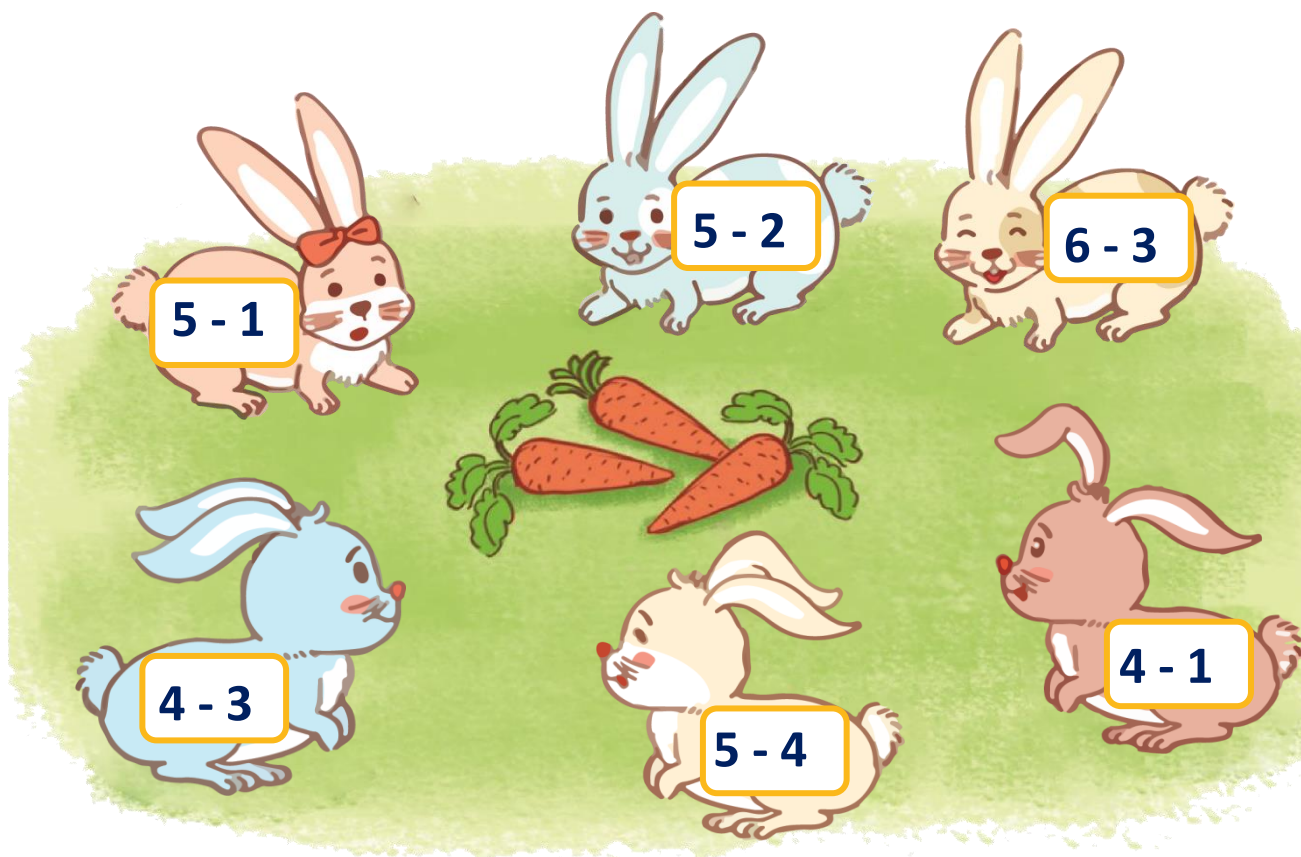


$$\square - \square = \square$$



$$\square - \square = \square$$

5 Khoanh vào chú thỏ ghi phép tính có kết quả bằng 3



Bài 22

Luyện tập

1 Số ?



$$5 - 1 = \square$$



$$4 - 4 = \square$$



$$6 - 2 = \square$$



$$6 - 5 = \square$$

2 Tính

$$4 - 2 = \dots$$

$$3 - 3 = \dots$$

$$6 - 1 = \dots$$

$$5 - 3 = \dots$$

$$5 - 2 = \dots$$

$$6 - 3 = \dots$$

$$6 - 2 = \dots$$

$$5 - 5 = \dots$$

$$6 - 6 = \dots$$

$$5 - 1 = \dots$$

$$4 - 4 = \dots$$

$$6 - 4 = \dots$$

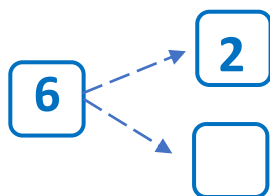
3 Viết phép tính thích hợp



$$\square - \square = \square$$

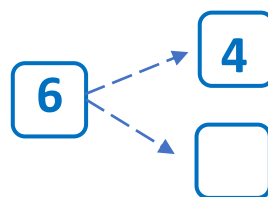
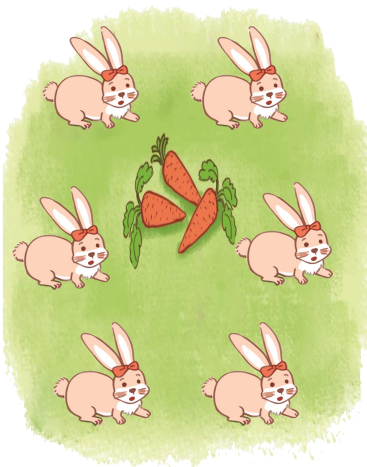
Bài 22

4 SỐ ?



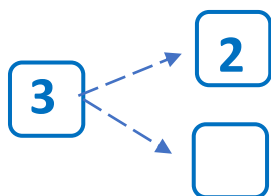
$$\boxed{6} - \boxed{2} = \boxed{}$$

$$\boxed{6} - \boxed{4} = \boxed{}$$



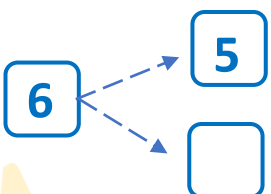
$$\boxed{6} - \boxed{} = \boxed{}$$

5 SỐ ?



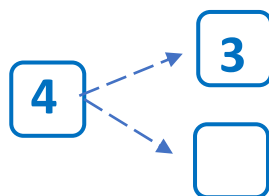
$$3 - 2 = \dots$$

$$3 - 1 = \dots$$



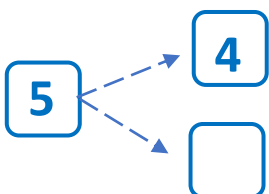
$$6 - 5 = \dots$$

$$6 - 1 = \dots$$



$$4 - 3 = \dots$$

$$4 - 1 = \dots$$



$$5 - 4 = \dots$$

$$5 - 1 = \dots$$

Bài 23

Phép trừ trong phạm vi 6 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu



$1 - 1$	$2 - 1$	$3 - 1$	$4 - 1$	$5 - 1$	$6 - 1$
	$2 - 2$	$3 - 2$	$4 - 2$		$6 - 2$
				$5 - 3$	
			$4 - 4$		$6 - 4$
				$5 - 5$	
					$6 - 6$

2 Tính

$$4 - 3 = \dots$$

$$5 - 1 = \dots$$

$$5 - 5 = \dots$$

$$4 - 1 = \dots$$

$$6 - 1 = \dots$$

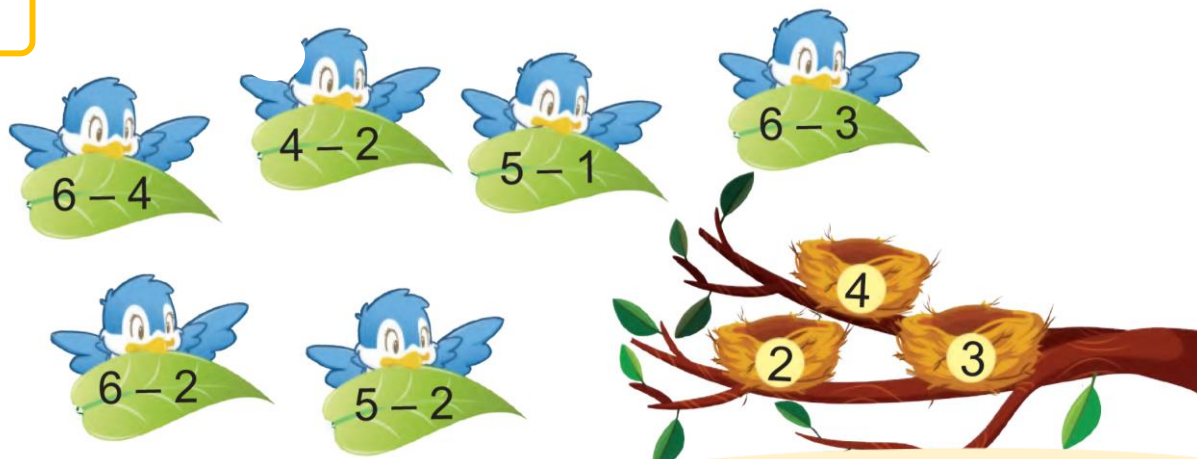
$$6 - 5 = \dots$$

$$5 - 4 = \dots$$

$$6 - 3 = \dots$$

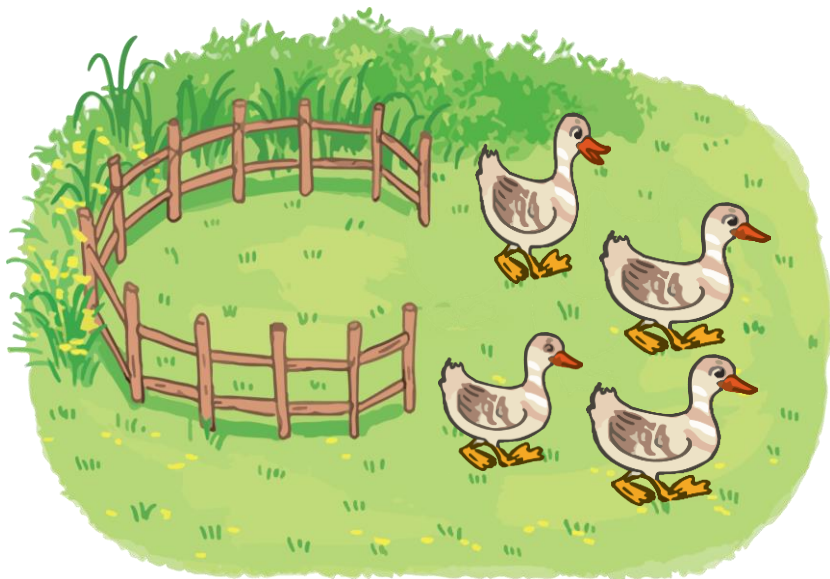
$$3 - 3 = \dots$$

3 Nối



Bài 23

4 Viết phép tính thích hợp



$$\square - \square = \square$$

5 Tính

$$4 - 0 = \dots$$

$$5 - 0 = \dots$$

$$6 - 0 = \dots$$

$$4 - 4 = \dots$$

$$6 - 6 = \dots$$

$$5 - 5 = \dots$$

$$3 - 3 = \dots$$

$$3 - 0 = \dots$$

$$2 - 2 = \dots$$

6 Tô màu vào chú gấu ghi phép tính có kết quả bé nhất



Bài 24

Luyện tập

1 Tính

$$4 - \dots = 4$$

$$5 - \dots = 3$$

$$5 - \dots = 0$$

$$3 - \dots = 2$$

$$4 - \dots = 0$$

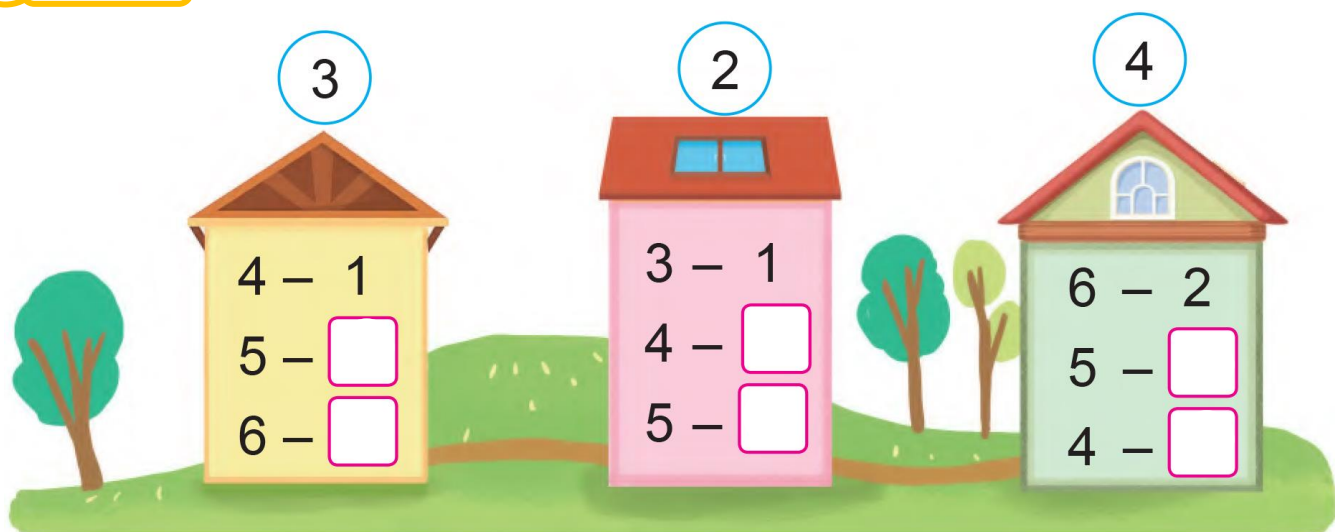
$$6 - \dots = 4$$

$$5 - \dots = 4$$

$$6 - \dots = 3$$

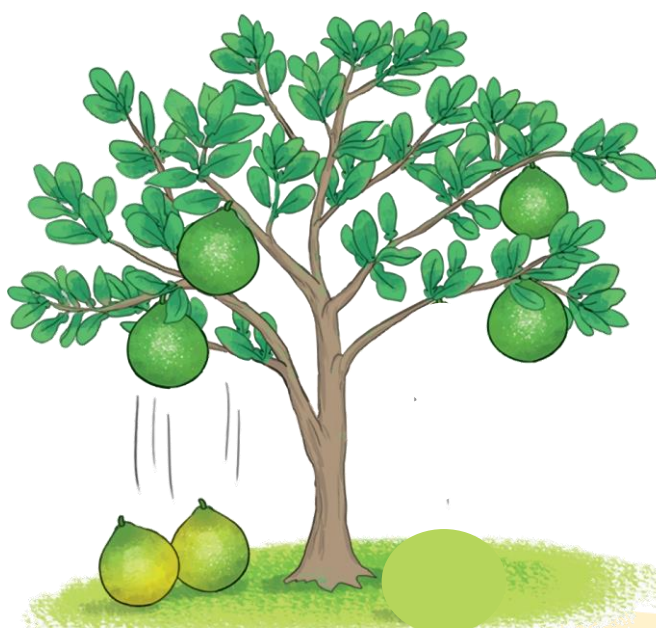
$$3 - \dots = 3$$

2 Số ?



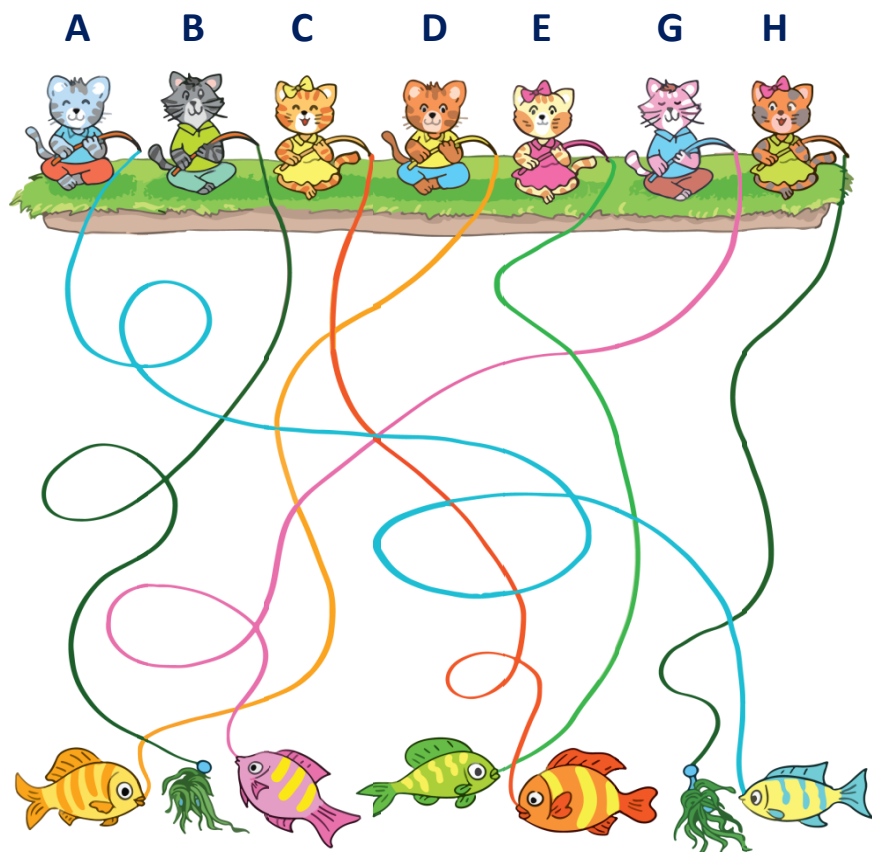
3 Viết phép tính thích hợp

$$\square - \square = \square$$

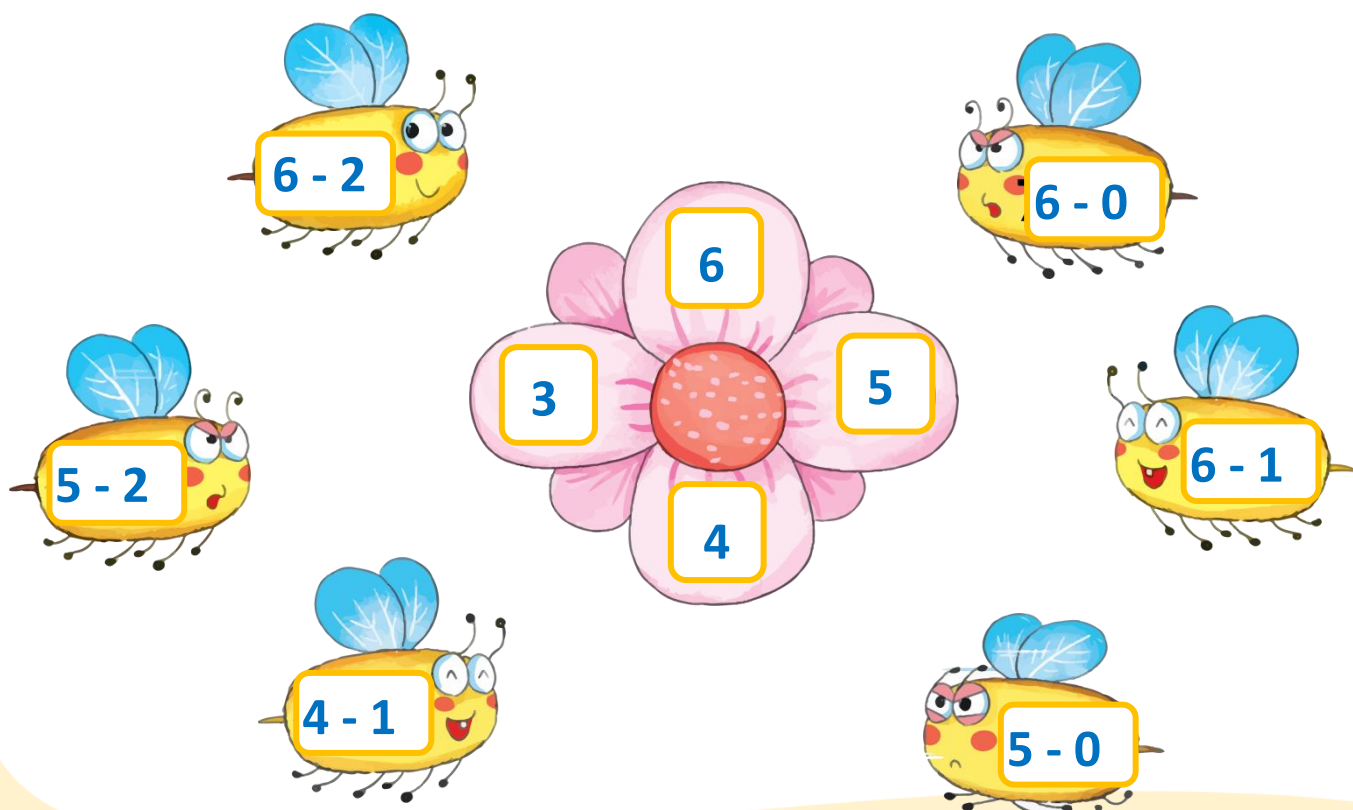


Bài 24

4 Có bao nhiêu con cá đang cắn câu ?



5 Tìm cánh hoa cho mỗi chú ong



Bài 25

Phép trừ trong phạm vi 10

1 Số ?



$$7 - 3 = \square$$



$$8 - 4 = \square$$



$$10 - 5 = \square$$



$$9 - 7 = \square$$

2 Tính

$$9 - 5 = \dots$$

$$6 - 5 = \dots$$

$$10 - 8 = \dots$$

$$10 - 2 = \dots$$

$$6 - 3 = \dots$$

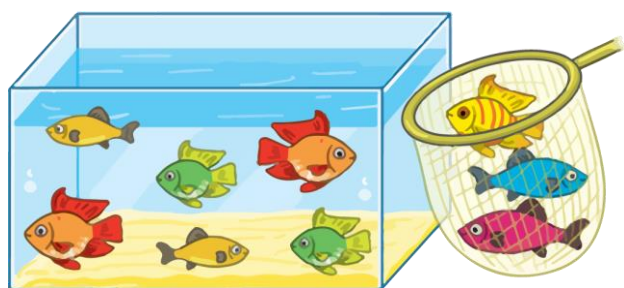
$$7 - 6 = \dots$$

$$8 - 7 = \dots$$

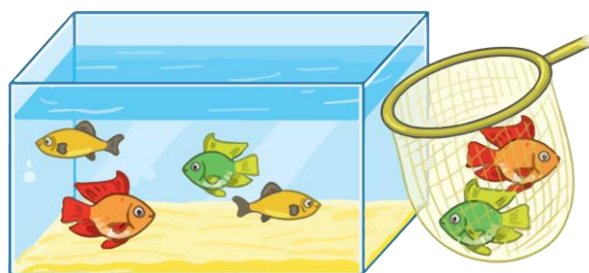
$$7 - 5 = \dots$$

$$9 - 6 = \dots$$

3 Viết phép tính thích hợp



$$\square - \square = \square$$



$$\square - \square = \square$$

Bài 25

4 Viết phép tính thích hợp

$$\square - \square = \square$$



5 Tô màu



4 =



7 =



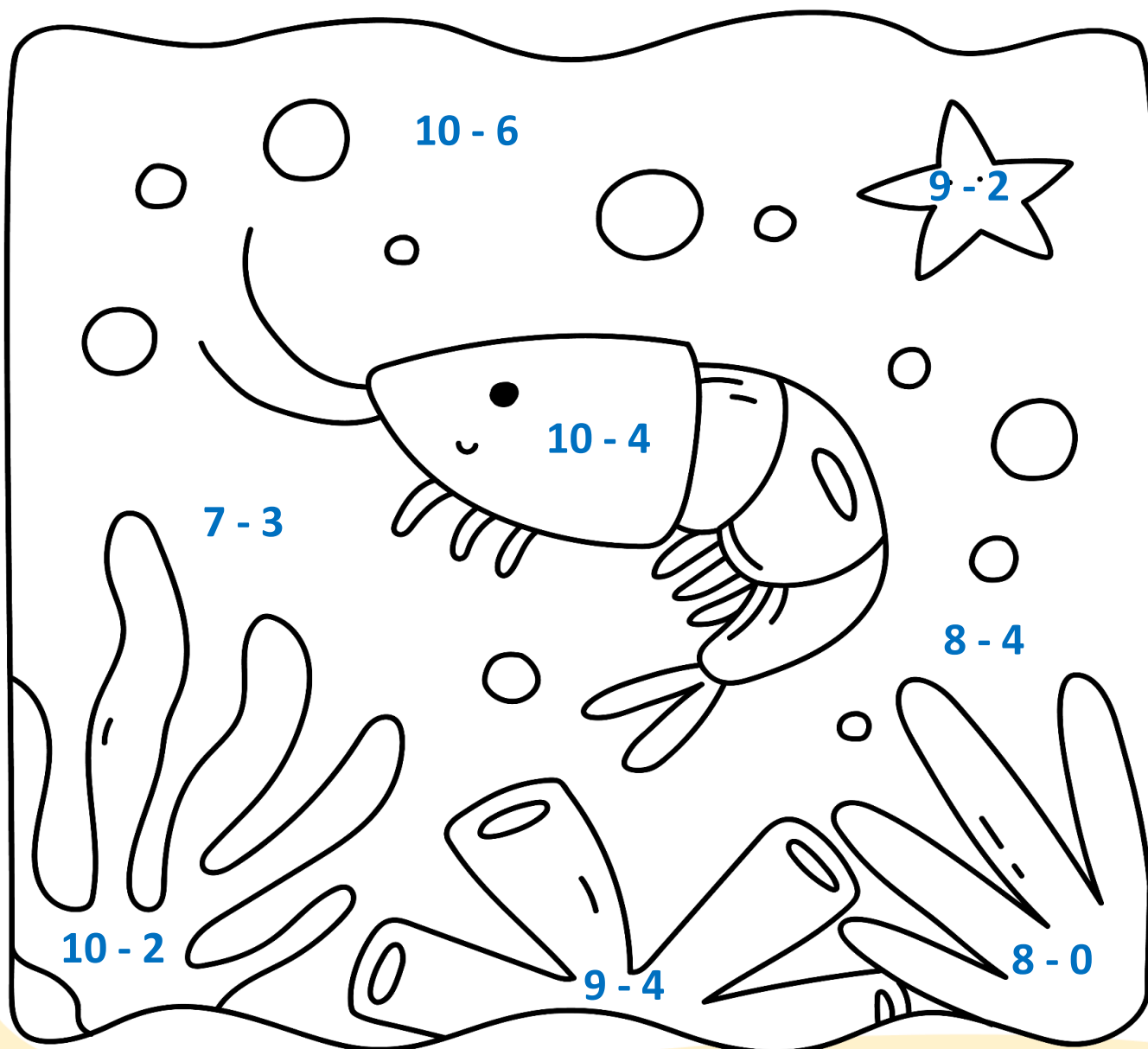
6 =



8 =



5 =



Bài 26

Luyện tập

1 Số ?



$$9 - 1 = \square$$



$$8 - 3 = \square$$



$$7 - 7 = \square$$



$$10 - 2 = \square$$

2 Tính

$$8 - 2 = \dots$$

$$9 - 5 = \dots$$

$$10 - 1 = \dots$$

$$8 - 1 = \dots$$

$$8 - 6 = \dots$$

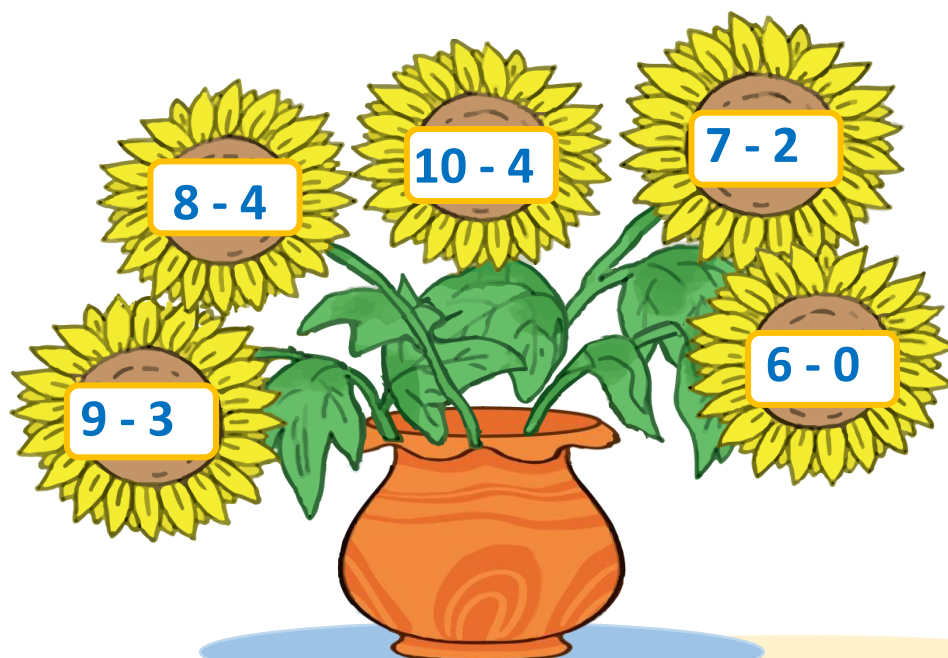
$$10 - 6 = \dots$$

$$8 - 0 = \dots$$

$$9 - 9 = \dots$$

$$7 - 1 = \dots$$

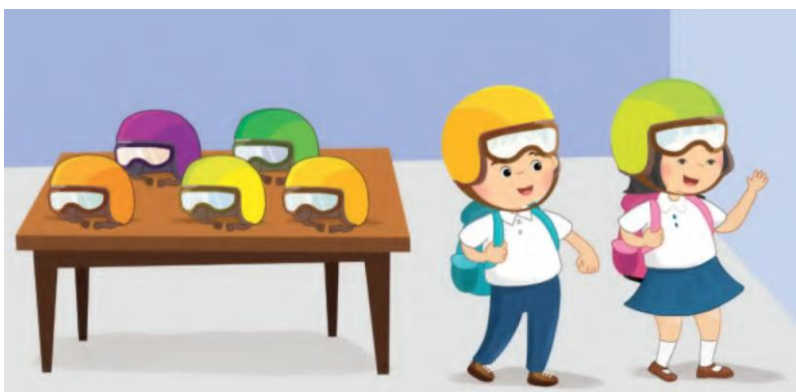
3 Khoanh vào bông hoa ghi phép tính có kết quả bằng 6



Bài 26

4 Viết phép tính thích hợp

$$\square - \square = \square$$



5 Tô màu



5 =



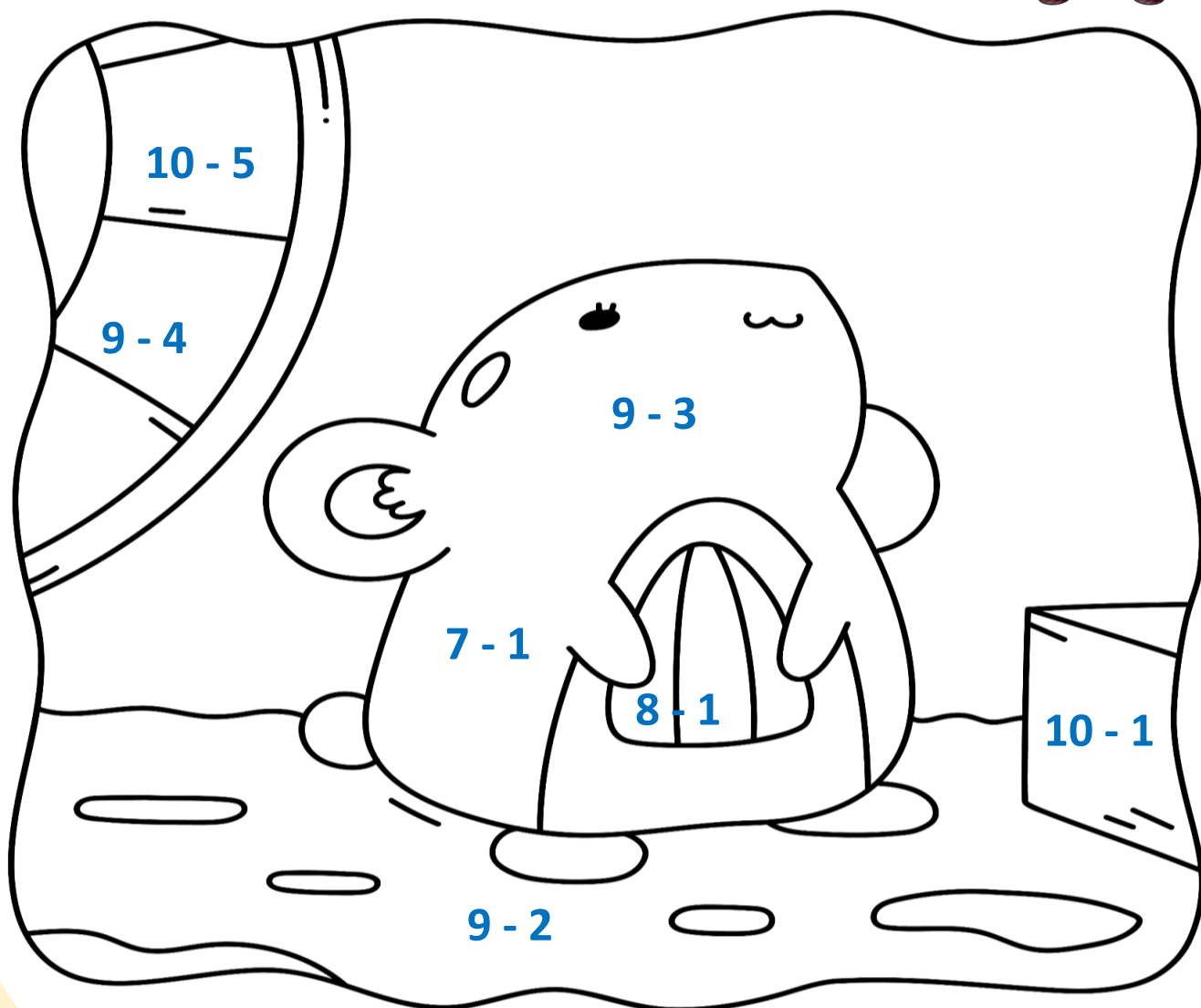
6 =



7 =



9 =

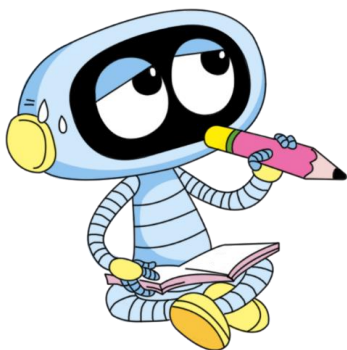


Bài 27

Phép trừ trong phạm vi 10 (tiếp theo)

1 Viết các phép tính còn thiếu

1 - 1	2 - 1	3 - 1	4 - 1	5 - 1	6 - 1	7 - 1	8 - 1	9 - 1	10 - 1
		3 - 2	4 - 2		6 - 2			9 - 2	10 - 2
		3 - 3		5 - 3		7 - 3	8 - 3	9 - 3	
			4 - 4		6 - 4	7 - 4			10 - 4
				5 - 5	6 - 5		8 - 5	9 - 5	
					6 - 6	7 - 6	8 - 6		10 - 6
						7 - 7		9 - 7	10 - 7
							8 - 8	9 - 8	10 - 8
								9 - 9	



2 Tính

$$7 - 2 = \dots$$

$$8 - 5 = \dots$$

$$9 - 7 = \dots$$

$$9 - 2 = \dots$$

$$8 - 2 = \dots$$

$$9 - 3 = \dots$$

$$7 - 4 = \dots$$

$$7 - 3 = \dots$$

$$10 - 5 = \dots$$

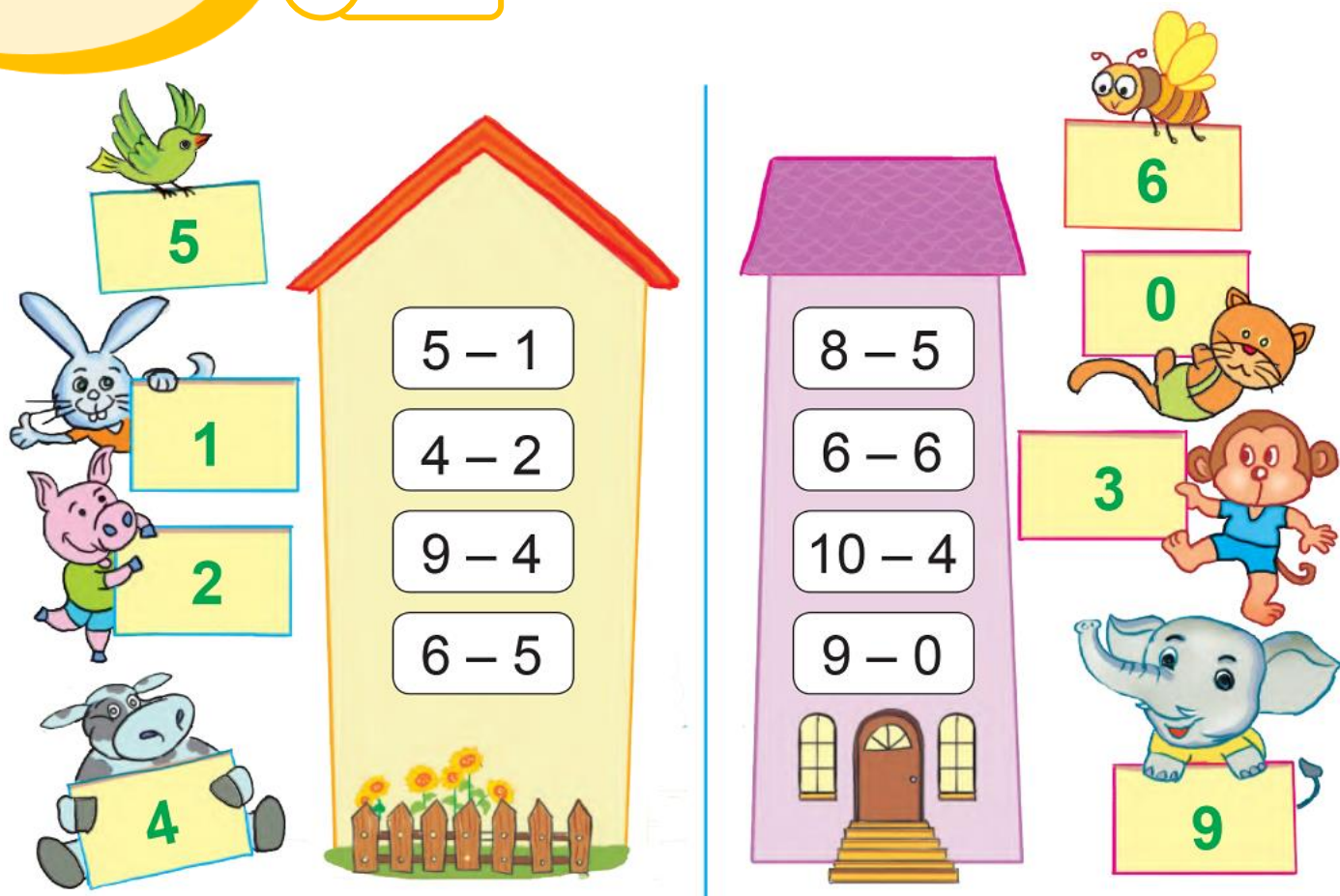
$$6 - 3 = \dots$$

$$10 - 6 = \dots$$

$$10 - 4 = \dots$$

Bài 27

3 Nối



4 Nối phép tính có cùng kết quả



1 Tính

$$5 + 4 = \dots$$

$$4 + 5 = \dots$$

$$7 - 1 = \dots$$

$$7 - 6 = \dots$$

$$8 + 2 = \dots$$

$$2 + 8 = \dots$$

$$9 - 4 = \dots$$

$$9 - 5 = \dots$$

$$9 + 0 = \dots$$

$$0 + 9 = \dots$$

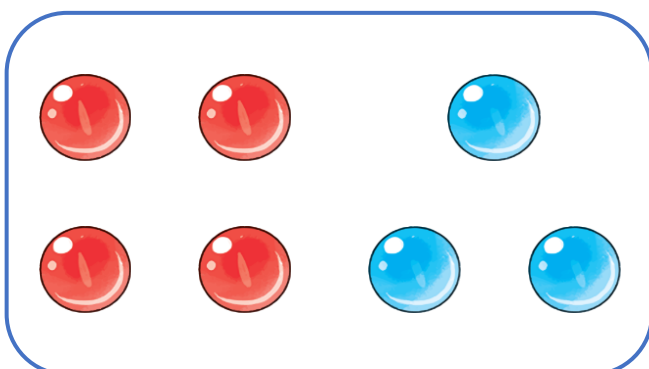
$$10 - 2 = \dots$$

$$10 - 8 = \dots$$

2 Viết phép tính thích hợp (theo mẫu)



3 Viết phép tính thích hợp



$$4 + 3 = \dots$$

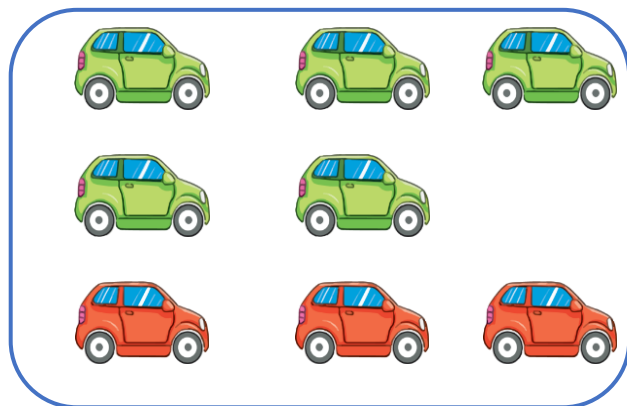
$$3 + 4 = \dots$$

$$7 - 3 = \dots$$

$$7 - 4 = \dots$$

Bài 28

4 Viết phép tính thích hợp



$$5 + 3 = \dots$$

$$3 + 5 = \dots$$

$$8 - 3 = \dots$$

$$8 - 5 = \dots$$

5 SỐ ?



6 Tô màu

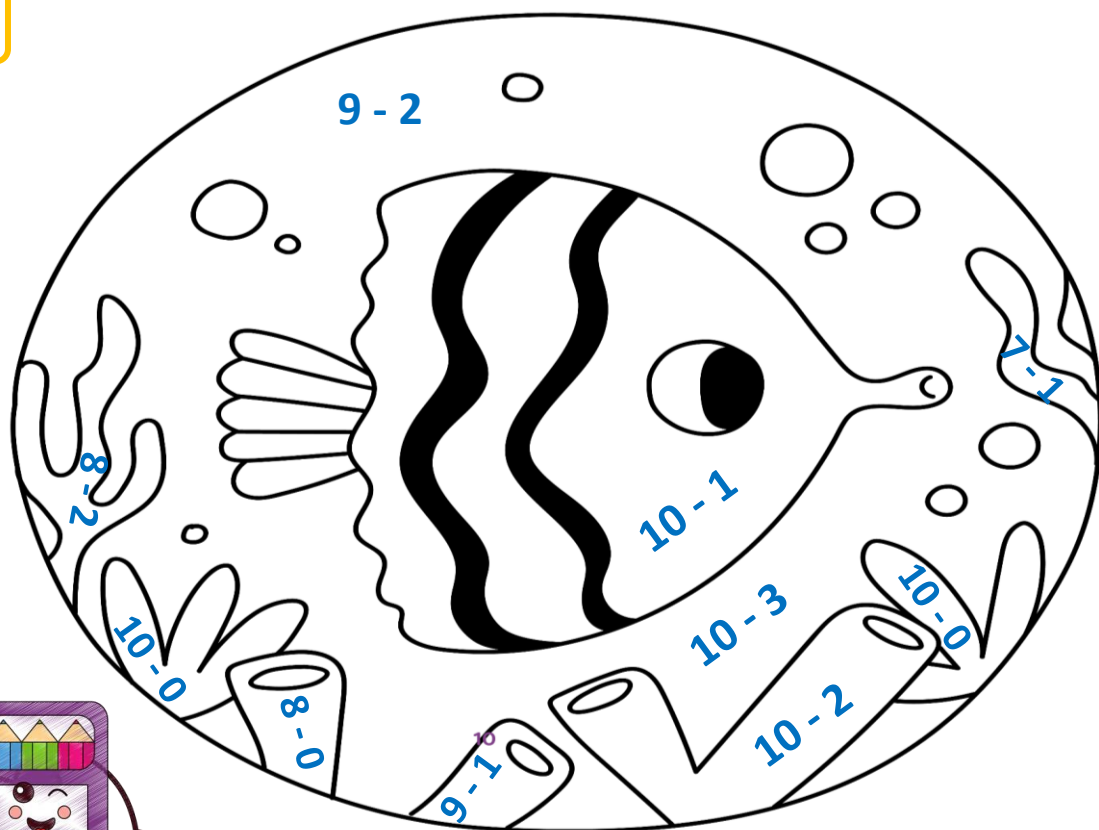
$$6 = \text{[purple box]}$$

$$7 = \text{[blue box]}$$

$$8 = \text{[green box]}$$

$$9 = \text{[yellow box]}$$

$$10 = \text{[red box]}$$



Bài 29

Luyện tập

1 Tính

$$5 + 1 = \dots$$

$$6 - 1 = \dots$$

$$4 + \dots = 6$$

$$6 - \dots = 4$$

$$3 + \dots = 6$$

$$6 - \dots = 3$$

$$3 + \dots = 5$$

$$5 - \dots = 3$$

$$2 + \dots = 6$$

$$6 - \dots = 2$$

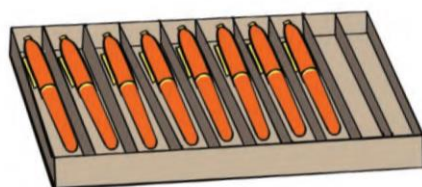
$$1 + \dots = 4$$

$$4 - \dots = 1$$

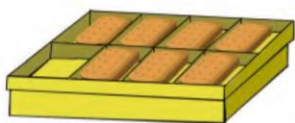
2 Số ?



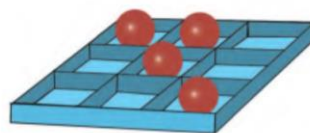
$$8 - \square = 5$$



$$10 - \square = 8$$

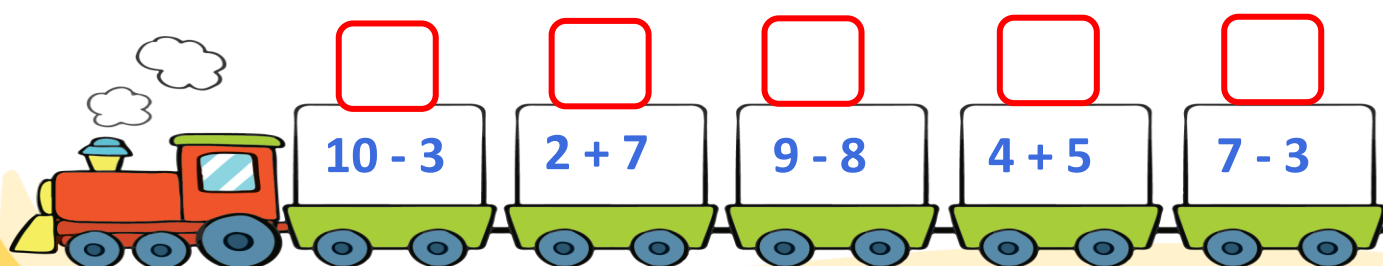


$$8 - \square = 7$$



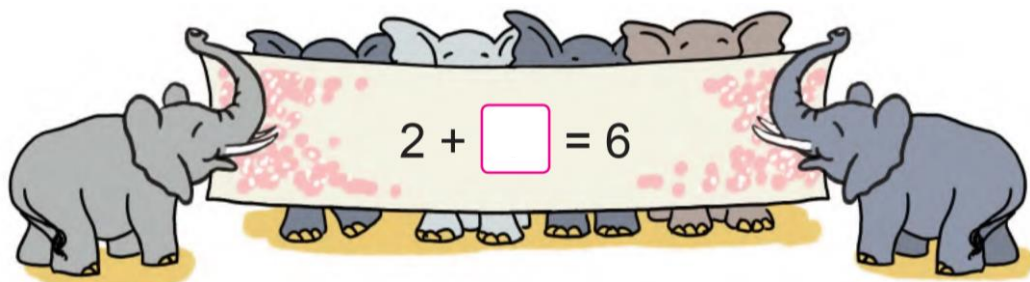
$$9 - \square = 4$$

3 Tìm kết quả ghi ở mỗi toa tàu



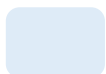
Bài 29

4 SỐ ?



5 Tô màu

6 =



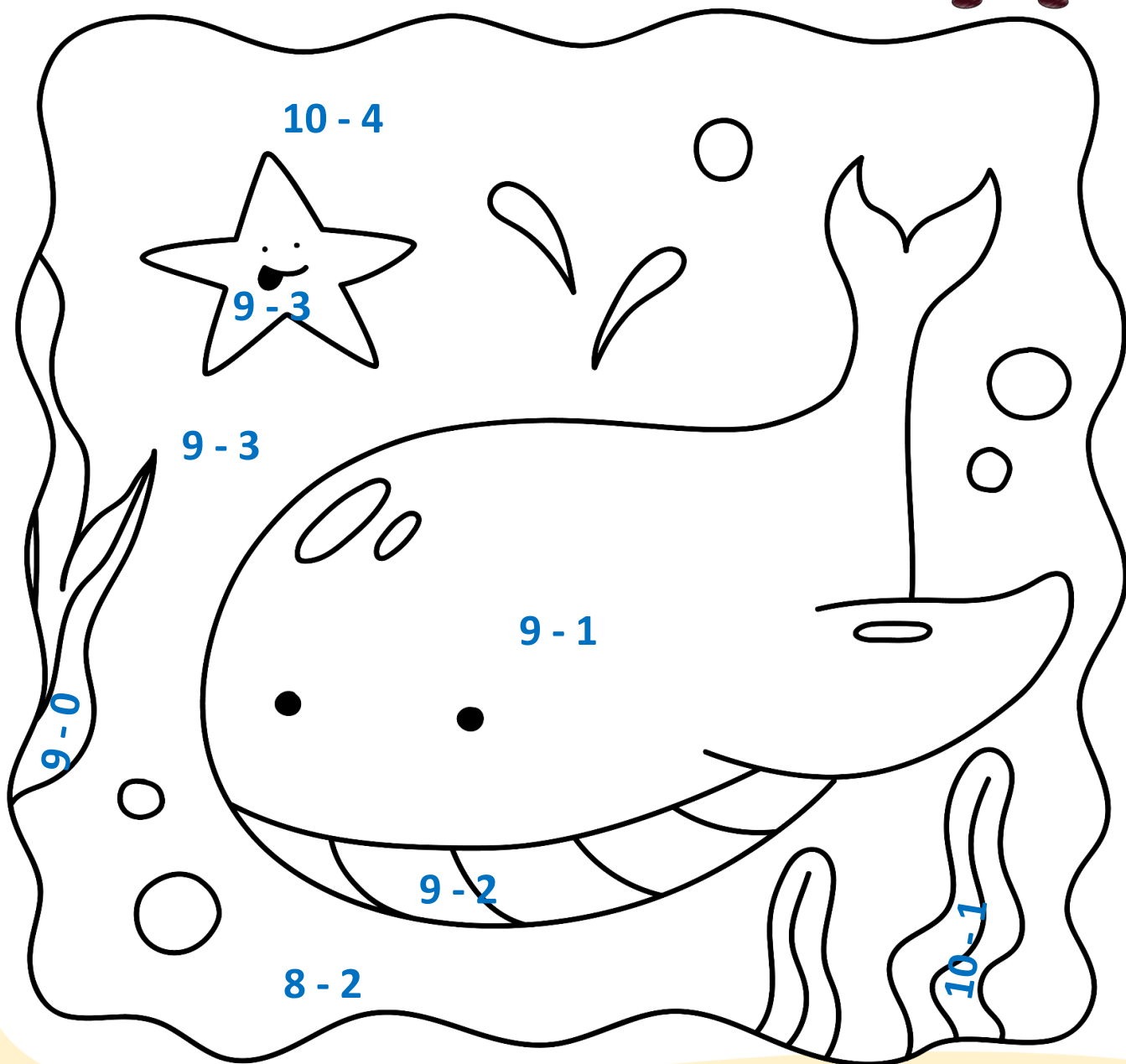
7 =



8 =



9 =



Bài 30

Luyện tập

1 Số ?



$$\begin{array}{r} 5 + 2 + 1 = \square \\ \downarrow \\ \square \end{array}$$



$$\boxed{6} - \boxed{2} - \square = \square$$

2 Tính

$$3 + 1 + 2 = \dots$$

$$4 + 3 + 1 = \dots$$

$$5 - 1 - 2 = \dots$$

$$9 - 3 - 1 = \dots$$

Bài 30

3 SỐ ?



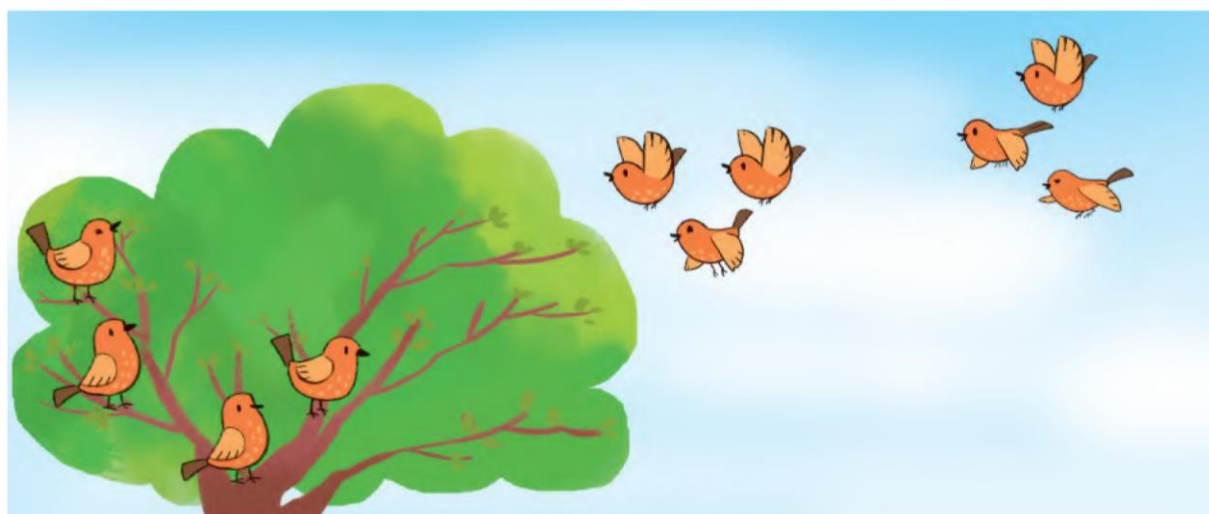
$$\boxed{9} - 4 \rightarrow \bigcirc - 2 \rightarrow \square - 1 \rightarrow \bigcirc$$



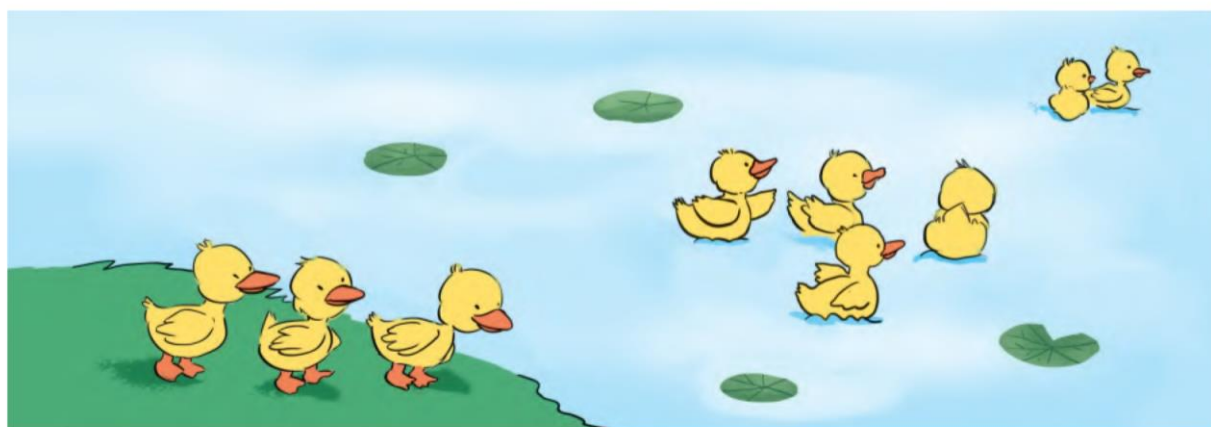
$$\boxed{2} + 4 \rightarrow \bigcirc + 2 \rightarrow \square + 1 \rightarrow \bigcirc$$



4 Viết phép tính thích hợp



$$4 + \square + \square = \square$$



$$9 - \square - \square = \square$$

Bài 31

Luyện tập chung

1 Tính

$$2 + 2 = \dots$$

$$3 + 3 = \dots$$

$$4 + 4 = \dots$$

$$5 + 5 = \dots$$

$$5 + 2 = \dots$$

$$2 + 5 = \dots$$

$$7 - 2 = \dots$$

$$2 - 7 = \dots$$

$$10 - 3 = \dots$$

$$10 - 4 = \dots$$

$$10 - 5 = \dots$$

$$10 - 6 = \dots$$

2 Số ?

$$6 + \dots = 9$$

$$9 - \dots = 6$$

$$5 - \dots = 3$$

$$2 + \dots = 5$$

$$7 + \dots = 10$$

$$10 - \dots = 3$$

3 <, >, = ?

$$7 + 2 \dots 9$$

$$3 + 2 \dots 6$$

$$8 - 2 \dots 7$$

$$9 - 1 \dots 7$$

$$2 + 4 \dots 6$$

$$4 + 4 \dots 8$$

$$4 - 4 \dots 0$$

$$5 - 0 \dots 0$$

$$7 + 0 \dots 0$$

$$2 + 6 \dots 7$$

$$10 - 0 \dots 10$$

$$7 - 7 \dots 6$$

Bài 32

Luyện tập chung

1 Tính

$$4 + 2 + 2 = \dots$$

$$5 + 2 + 1 = \dots$$

$$8 - 4 - 2 = \dots$$

$$7 - 3 - 2 = \dots$$

$$6 - 2 + 2 = \dots$$

$$7 - 2 + 1 = \dots$$

$$9 - 4 + 2 = \dots$$

$$7 + 3 - 4 = \dots$$

2 <, >, = ?

$$6 + 2 \dots 9 - 2$$

$$4 + 2 \dots 6 - 1$$

$$5 - 2 \dots 7 - 4$$

$$9 - 1 \dots 7 + 1$$

$$10 - 2 \dots 8 + 1$$

$$6 - 6 \dots 5 - 5$$

$$5 - 0 \dots 7 - 0$$

$$9 - 9 \dots 7 + 2$$

3 Số ?



$$\boxed{8} - 4 \rightarrow \bigcirc + 2 \rightarrow \square - 1 \rightarrow \bigcirc$$

$$\boxed{9} - 5 \rightarrow \bigcirc + 2 \rightarrow \square + 1 \rightarrow \bigcirc$$



Bài 33

Luyện tập chung

1 Tính

$$3 + 2 - 5 = \dots$$

$$9 - 9 + 1 = \dots$$

$$7 - 4 + 4 = \dots$$

$$8 - 3 + 3 = \dots$$

2 <, >, = ?

$$7 + 2 \dots 10 - 2$$

$$6 + 2 \dots 6 - 2$$

$$4 - 2 \dots 7 - 5$$

$$9 - 7 \dots 3 + 1$$

$$8 - 2 \dots 8 + 2$$

$$6 - 0 \dots 5 - 0$$

$$5 - 3 \dots 7 - 4$$

$$10 - 9 \dots 7 + 3$$

3 Số ?

$$3 + \square$$

$$4 + \square$$

$$10 - \square$$

$$8 - \square$$

$$5 + \square$$

$$2 + \square$$